

Số: 09 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin như sau:

Thông báo về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC


Huỳnh Trí Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
-oOo-**

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

**NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

Thời gian: 08h00 ngày 21/06/2018

Địa điểm: Hội trường 1 - Lầu , Trung tâm Hội nghị 272, số 272 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP.HCM.

| | |
|----------------------|---|
| 08h00 – 08h30 | - Đón tiếp đại biểu và cổ đông. |
| 08h30 – 08h45 | - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu. - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông. - Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội. - Giới thiệu và thông qua Chủ tọa Đoàn điều hành Đại hội. |
| 08h45 – 09h00 | - Giới thiệu và thông qua Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu. - Thông qua Chương trình Đại hội. |
| 09h00 – 09h30 | - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. - Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Báo cáo của Hội đồng quản trị. - Báo cáo của Ban kiểm soát. - Báo cáo lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2017. - Thông qua Đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị |
| 09h30-10h20 | - Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017. - Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. - Tờ trình thông qua Kế hoạch chi thù lao của thành viên HĐQT, BKS 2018. - Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018. - Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2018. - Tờ trình chỉnh sửa và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM - Tờ trình thông qua Quy chế Quản trị Công ty. - Thảo luận và thông qua các nội dung lấy ý kiến tại Đại hội |

| | |
|----------------------|---|
| 10h20 – 10h40 | <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế bầu cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2021. - Thông qua các hướng dẫn bỏ phiếu và bầu cử: - Báo cáo công bố danh sách tham dự đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. |
| 10h40 – 11h10 | <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ Thẻ biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến và Phiếu bầu. - Nghi giải lao |
| 11h10 – 11h20 | <ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm phiếu; |
| 11h20 – 11h30 | <ul style="list-style-type: none"> - Thư ký trình bày nội dung Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội; - Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội; |
| 11h30– 11h40 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu của đại diện Công ty Đầu tư tài chính TP.HCM. |
| 11h45 | <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên bố Bế mạc Đại hội. |

Số: 02/BC-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2017;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017:

ĐVT: triệu đồng.

| Stt | Chỉ tiêu | KH được ĐHĐCĐ thông qua | Kết quả thực hiện năm 2017 | Tỷ lệ hoàn thành |
|-----|----------------------|-------------------------|----------------------------|------------------|
| 1 | Doanh thu | 250.000 | 387.099 | 154,84% |
| 2 | Chi phí | 211.875 | 355.451 | 167,76% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 38.125 | 31.648 | 83,01% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 30.500 | 25.280 | 82,89% |

2. Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được:

2.1 Về chỉ tiêu tài chính:

a) Doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện năm 2017 là 387.099 triệu đồng, đạt 154,84% theo kế hoạch. Nguyên nhân biến động tăng so với kế hoạch là:

+ Doanh thu của Lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đặt hàng) việc giảm trừ giá trị sản lượng khi phải thực hiện theo phương thức đấu thầu diễn ra trễ hơn so với dự báo (kế hoạch: từ ngày 01/4/2017 thực tế: ngày 01/12/2017 thực hiện theo phương thức đấu thầu).

+ Doanh thu của lĩnh vực thi công xây lắp của năm 2017 có phát sinh tăng do Công ty chủ động tham gia đấu thầu, nhận thầu các công trình chuyên ngành có giá trị lớn.

b) Chi phí:

Tổng chi phí thực hiện năm 2017 là 355.451 triệu đồng, đạt 167,76% theo kế hoạch. Nguyên nhân biến động tăng so với kế hoạch là Công ty thanh toán kinh phí mua vật tư, thiết bị, nguyên – nhiên liệu phục vụ công tác duy tu, thi công công trình; năm 2017 có phát sinh các chi phí so với năm 2016, cụ thể:

- Chi phí phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản số định tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần.

- Chi phí khấu hao công cụ dụng cụ tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần.

- Chi phí giải quyết cho Người lao động nghỉ việc theo nguyện vọng tăng.

c) Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận thực hiện năm 2017 là 31.648 triệu đồng, đạt 83,01% so với kế hoạch, nguyên nhân biến động giảm là do ngày 28/9/2017 (sau khi thời điểm kế hoạch tài chính năm 2017 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 29/6/2017) Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh có Hướng dẫn số 4868/HD-SGTVT về thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông Vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, theo đó công tác quản lý vận hành (duy trì trạm đèn) được quy định giảm tần suất thực hiện của năm 2017 so với năm 2016. Theo tính toán của Công ty, việc giảm tần suất thực hiện này tương ứng với việc giảm giá trị trên cùng khối lượng công tác của năm 2017, cụ thể:

Đvt: triệu đồng.

| Khối lượng từ điều khiển thực hiện công tác quản lý vận hành | | Tần suất thực hiện năm 2016 | Tần suất thực hiện năm 2017 | Giá trị công tác quản lý vận hành năm 2017 theo tần suất thực hiện năm 2017 | Giá trị công tác quản lý vận hành năm 2016 theo tần suất thực hiện năm 2016 | Chênh lệch | |
|--|---------------------------|-----------------------------|--|---|---|---------------|-----------|
| Năm 2016 (đến 31/12/2016) | Năm 2017 (đến 31/12/2017) | | | | | Từ điều khiển | Giá trị |
| (1) | (2) | | | (3) | (4) | (5)=(2-1) | (5)=(3-4) |
| 7.302 | 7.532 | | | 98.705 | 132.410 | 230 | -33.705 |
| Duy trì trạm đèn ≤ 500m | | 7 lần/tuần | 3 lần/tuần | | | | |
| Duy trì trạm đèn kết nối điều khiển tại trung tâm | | 7 lần/tuần | 1 lần/tuần | | | | |
| Duy trì trạm đèn > 500m | | 7 lần/tuần | 6 lần/tuần (và không thực hiện các ngày nghỉ Lễ) | | | | |

Ngoài ra, do bị ảnh hưởng bởi quy định giảm định mức, đơn giá công tác quản lý vận hành của lĩnh vực đèn tín hiệu giao thông do năm 2017 áp dụng Bộ đơn giá được ban hành theo Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, công tác vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên cùng khối lượng công tác, trên cùng thành phần công việc của năm 2017 so với năm 2016 là không đổi nhưng giá trị đạt được là giảm, cụ thể:

| Khối lượng công việc năm 2017 (chốt đèn) | Định mức/đơn giá áp dụng (chốt/ngày) | | Giá trị đạt được năm 2017 (triệu đồng) | | |
|--|--|--|--|--|--------------------|
| | Năm 2016 | Năm 2017 | Theo định mức/đơn giá áp dụng năm 2016 (1) | Theo định mức/đơn giá áp dụng năm 2017 (2) | Chênh lệch (3=2-1) |
| 1.152 | Định mức: 0,312. Đơn giá: 256.985 đồng/chốt/ngày. | Định mức: 0,156 Đơn giá: 36.661 đồng/chốt/ngày. | 43.530 | 21.249 | - 22.281 |

Như vậy, đối với công tác quản lý vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông năm 2017 do giảm đồng thời cả định mức và đơn giá trong khi thành phần công việc thực hiện là không đổi so với năm 2016 dẫn đến giảm 22.281 triệu đồng.

d) Nộp ngân sách Nhà nước:

Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2017 là 6.368 triệu đồng, đảm bảo thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước.

2.2. Nhận xét, đánh giá chung

Như vậy, Công ty đã hoàn thành đạt, vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận, do giảm đơn giá, định mức, tần suất thực hiện trong khi khối lượng thực hiện không thay đổi và với yêu cầu nghiêm khắc hơn, mặc dù tập thể Lãnh đạo và Người lao động đã hết sức nỗ lực, phấn đấu và làm với khối lượng nhiều hơn so với năm 2016 nhưng việc giảm này nằm ngoài tính toán và có giá trị lớn nên đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.

Cụ thể những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

- Doanh thu giảm 55.986 triệu đồng, do giảm 33.705 triệu đồng của công tác quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng (giảm tần suất thực hiện) và giảm 22.281 triệu đồng của công tác quản lý vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông (do giảm đồng thời cả định mức và đơn giá áp dụng).

- Chi phí tăng: 6.961 triệu đồng, do năm 2017 là năm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo trọn năm của niên độ tài chính kế toán, năm 2016 chỉ là 06 tháng cuối năm. Vì vậy, có phát sinh tăng các chi phí so với năm 2016, cụ thể:

- + Chi phí phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa doanh nghiệp, với giá trị 4.337 triệu đồng.

- + Chi phí khấu hao tài sản số định tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, với giá trị 2.175 triệu đồng.

- + Chi phí khấu hao công cụ dụng cụ tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần, với giá trị 449 triệu đồng.

- + Ngoài ra còn phát sinh chi phí giải quyết cho Người lao động nghỉ việc theo nguyện vọng tăng.

a) Những mặt làm được:

Tiếp tục được sự quan tâm, theo dõi, chỉ đạo, hỗ trợ của Sở, ngành chức năng trong hoạt động của Công ty, đặc biệt là của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, của Cổ đông chiến lược và các Cổ đông của Công ty trong quá trình hoạt động.

Được sự quyết tâm, đồng thuận cao trong tập thể Lãnh đạo Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh chung.

Sự nỗ lực, đóng góp của toàn thể Người lao động Công ty trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là trong thực hiện công tác duy trì hệ thống, công tác thay thế đèn HPS lão hóa bằng đèn LED vào những tháng cuối năm 2017.

Với các lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đặt hàng): Tiếp tục được các Chủ quản lý tin tưởng giao theo phương thức đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị (chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông và bảng thông tin giao thông điện tử - xây dựng công trình công ích).

- Lĩnh vực thi công xây lắp: được các Chủ đầu tư triển khai với các gói thầu có giá trị lớn, Công ty đã chủ động tham gia và được nhận thầu một số công trình, tiêu biểu nhất:

+ Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng nội bộ khu nhà ở Thanh Niên, với giá trị 8,6 tỷ đồng.

+ Xây lắp hệ thống chiếu sáng toàn tuyến của các tuyến đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc TP.Hồ Chí Minh – Trung Lương (từ nút giao thông Bình Thuận đến đường Trần Đại Nghĩa), huyện Bình Chánh, với giá trị 13,2 tỷ đồng.

+ Dự án thay thế hệ thống đèn Led trên địa bàn thành phố Bà Rịa, với giá trị 39,4 tỷ đồng.

- Lĩnh vực kinh doanh khác: đảm bảo đạt theo kế hoạch đề ra nhưng chủ yếu từ nguồn thu đền bù do gây ra sự cố (phát sinh đột xuất).

- Lãi tiền gửi ngân hàng: được hình thành từ số dư tiền gửi của Công ty, phát sinh từ các khoản phải trả cho Người lao động, các khoản chưa thanh toán cho khách hàng do điều kiện thanh toán đã thỏa thuận, ...

b) Những khó khăn và hạn chế:

Bên cạnh những mặt làm được, những thuận lợi nêu trên, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã xuất hiện các khó khăn nhất định:

- Về công tác duy trì hệ thống:

+ Thị phần của công tác duy tu năm 2017 tiếp tục giảm:

Đặc biệt trên địa bàn quận 2, Khu Quản lý giao thông đô thị số 02 đã chủ động không đặt hàng cho Công ty mà không nêu lý do và với giá trị giảm tương đương 9 tỷ đồng (thực hiện năm 2016).

+ Về giảm tần suất của công tác quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng trong lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích): đã trực tiếp ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu tài chính về lợi nhuận năm 2017 của Công ty; ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập từ tiền lương của Người lao động, vì chi phí nhân công của công tác quản lý vận hành hệ thống chiếm tỷ trọng lớn trong quỹ tiền lương hàng năm của Công ty.

+ Về đấu thầu kinh phí kiến thiết thị chính năm 2017:

* Theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố, từ ngày 01/4/2017 phải thực hiện tổ chức đấu thầu đối với kinh phí kiến thiết thị chính (**lĩnh vực chiếu sáng đô thị**) năm 2017. Việc tổ chức đấu thầu này được đã gia hạn thời gian thực hiện đến 03 lần: lần 1 đến 30/6/2017, lần 2 đến 01/10/2017 và lần 3 đến ngày 01/12/2017. Vì vậy, đã gây khó khăn cho công tác đề xuất kế hoạch duy tu vì Cán bộ Giám sát của Chủ quản lý có tâm lý e ngại khi tổ chức đấu thầu sẽ không thanh toán được khối lượng đã thực hiện.

* Bên cạnh đó, việc tổ chức đấu thầu **toàn bộ khối lượng** và **cùng lúc** thì việc giảm khối lượng là khó tránh khỏi, sẽ gây ảnh hưởng đột ngột đến:

√ Mục tiêu cổ phần hóa Công ty là: thay vì phát triển thì lại thu hẹp quy mô; thay vì bảo đảm công ăn việc làm thì nay lại khó khăn ảnh hưởng đến đời sống Người lao động do thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Trong khi Công ty là doanh nghiệp tích cực thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp trên địa bàn thành phố;

√ Để đảm bảo hệ thống hoạt động một cách hiệu quả, an toàn nhất và với yêu cầu, mong muốn sẽ được tin tưởng, tiếp tục giao thực hiện trong thời gian tiếp theo, Công ty đã tự thực hiện các công việc không có trong dự toán (nhưng hết sức quan trọng và cần thiết) như: đo, kiểm tra dòng rò; đo, kiểm tra tiếp địa; vệ sinh, thu dọn quảng cáo trái phép; trực xử lý sự cố 24/24 giờ, trải đều trên khắp 24 quận, huyện ... Các công tác này mất rất nhiều thời gian, phương tiện, nhân lực và chi phí để thực hiện.

√ Hiệu quả khai thác về năng lực (nhân sự, thiết bị, xe máy), đặc biệt là kinh nghiệm để xử lý kịp thời mọi tình huống xảy ra mà Công ty đã không ngừng cố gắng chuẩn bị, đầu tư trong những năm vừa qua. Dẫn đến, Công ty giảm mục tiêu trong khi luôn mong muốn ngày càng phát triển;

√ Hiệu quả sử dụng của hệ thống, với tính đặc thù kỹ thuật cao, nếu đấu thầu chia nhỏ, xé lẻ và giao cho Nhà thầu thiếu kinh nghiệm, không đủ năng lực thực hiện thì sẽ làm manh mún hệ thống, làm sai khác các đặc tính kỹ thuật của hệ thống, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra;

√ Các nhiệm vụ chính trị, vì gắn với công tác đặt hàng, Công ty cũng tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao và không được thanh toán chi phí (Công ty tự cân đối thanh toán), như: Điều động xe chiếu sáng di động; cử nhân sự trực 24/24 giờ vào các dịp Lễ, Tết, tại các sự kiện Văn hóa, Chính trị. Do đó, khi đấu thầu Công ty sẽ không có kinh phí để trang trải.

+ Về thanh toán thuế GTGT đầu vào (VAT) lĩnh vực duy tu chiếu sáng đô thị:

Từ trước năm 2014, thuế GTGT đầu vào (VAT) lĩnh vực duy tu chiếu sáng đô thị được các Chủ quản lý thanh toán cho Công ty theo quy định tại công văn số 2928/UB-TM ngày 04/8/2000 của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên, từ năm 2014 trở lại đây đối với công tác duy tu lĩnh vực chiếu sáng đô thị Công ty vẫn thực hiện tương tự như giai đoạn trước năm 2013, nghĩa là Chủ quản lý phê duyệt, giao dự toán có phần thuế VAT được tạm tính trên 10% giá trị vật tư. Sau khi công tác được nghiệm thu, Công ty tiến hành lập hồ sơ thanh quyết toán (có phần thuế VAT vật tư đầu vào) và được Chủ quản lý kiểm tra, thanh toán. Riêng phần thuế VAT vật tư đầu vào chưa được chủ đầu tư thanh toán với tổng giá trị là: **33.675 triệu đồng**, do:

* Năm 2014: tạm thời chưa thanh toán theo Thông báo số 5285/TB-SGTVT ngày 20/11/2014 của Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

* Năm 2015, năm 2016 và năm 2017: chưa thanh toán vì theo Hợp đồng có nội dung “Thuế GTGT (VAT) vật tư đầu vào thanh toán khi được cấp thẩm quyền phê duyệt”.

Tính đến thời điểm hiện nay, cấp thẩm quyền vẫn chưa có ý kiến phê duyệt chính thức. Trong khi đó, Công ty chúng tôi đã phải thanh toán đầy đủ tiền mua hàng hoá vật tư cho nhà cung cấp bao gồm cả phần thuế GTGT đầu vào và trong hồ sơ thanh quyết toán giữa Công ty chúng tôi với các Chủ quản lý đều ghi nhận trên hồ sơ thanh quyết toán khoản thuế GTGT này.

Việc cấp thẩm quyền vẫn chưa có ý kiến phê duyệt chính thức đối với thanh toán thuế GTGT đầu vào lĩnh vực duy tu chiếu sáng đô thị năm 2014, năm 2015, năm 2016 và năm 2017 sẽ làm ảnh hưởng đến việc xem xét, phê duyệt quyết toán công tác duy tu và các công tác tài chính liên quan.

+ Về công tác quyết toán lĩnh vực duy tu:

Công ty ký hợp đồng thực hiện với Chủ quản lý, trong khi đó công tác xét duyệt quyết toán thì lại là đơn vị cấp trên của Chủ quản lý xem xét và thời gian xét duyệt quyết toán hàng năm còn chậm (hiện tại vẫn đang xét duyệt quyết toán năm 2012), với xu thế luôn cắt giảm giá trị thực hiện nhưng không xét đến yếu tố thời điểm thực hiện (có yêu cầu thực hiện gấp, giá thành cao, có tính chất thử nghiệm, thí điểm) mặc dù dự toán đã được phê duyệt nên làm giảm doanh thu, lợi nhuận thực hiện và ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

+ Về lưu giữ, bảo quản vật tư thu hồi:

Công ty đang thuê kho bãi để tổ chức lưu giữ, bảo quản vật tư thu hồi của năm 2013, năm 2014, năm 2015, năm 2016 và năm 2017 được phát sinh từ công tác duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, hiện chưa được bán thanh lý nên đã gây ra tình trạng quá tải nghiêm trọng kho bãi bảo quản vật tư thu hồi. Do đó, buộc lòng Công ty tiếp tục thuê mặt bằng nên đã làm phát sinh chi phí.

Ngày 10/12/2016 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý, xử lý vật tư thu hồi từ các công trình kết cấu hạ tầng giao thông do đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải thành phố quản lý, trong đó có lĩnh vực chiếu sáng đô thị. Tuy nhiên, vật

tư thu hồi được phát sinh từ công tác duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị của năm 2013, năm 2014, năm 2015, năm 2016 và năm 2017 đến nay chưa được tổ chức bán thanh lý.

- Về thi công xây lắp:

Việc thực hiện Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, trong đó quy định “chỉ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ mới được tham gia các gói thầu không quá 5 tỷ đồng” tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lĩnh vực công xây lắp của Công ty.

- Lĩnh vực kinh doanh khác:

Phát sinh chủ yếu từ đền bù từ tai nạn, sự cố là công tác đột xuất không nằm trong kế hoạch nên sẽ ảnh hưởng đến công tác xây dựng kế hoạch chi tiêu tài chính của kỳ tài chính kế tiếp.

- Sau công tác cổ phần hóa, Công ty phát sinh thêm các khoản chi phí : Chi phí giá trị lợi thế doanh nghiệp; chi phí khấu hao phải phân bổ thêm do đánh giá lại tài sản cố định khi chuyển đổi doanh nghiệp; chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ tăng do thực hiện theo quy định của nhà nước.

- Về công tác quản lý điều hành:

Về các tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp: Đã được Công ty bàn giao cho Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) từ ngày 10/3/2016, hiện Công ty đang giữ hộ, mặc dù thời gian qua luôn được HFIC quan tâm, giải quyết nhưng đến nay chưa được xử lý nên đã ảnh hưởng đến mặt bằng, đến kho lưu trữ và hoạt động của Công ty.

- Về tình hình khen thưởng, phúc lợi đối với Người lao động:

Trong điều kiện giảm đơn giá, định mức trong khi khối lượng thực hiện không thay đổi, yêu cầu nghiêm khắc hơn mặc dù tập thể Lãnh đạo và Người lao động đã hết sức nỗ lực, phấn đấu và làm với khối lượng nhiều hơn so với năm 2016 nhưng việc giảm này nằm ngoài tính toán và có giá trị lớn nên đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận, vì vậy dẫn đến quỹ khen thưởng, phúc lợi bị ảnh hưởng và đời sống của Người lao động trong Công ty cũng bị ảnh hưởng theo.

3. Công tác lao động tiền lương:

3.1. Công tác lao động:

Trình độ và số lượng lao động Công ty tính đến 31/12/2017:

| STT | Nội dung | Tổng số lao động | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|------------------|-----------|
| | Phân theo hợp đồng lao động (bao gồm người quản lý): | 437 | |
| 1 | Hợp đồng lao động không xác định thời hạn | 402 | 92 |
| 2 | Hợp đồng lao động có thời hạn | 33 | 7,55 |
| 3 | Hợp đồng lao động thời vụ(hợp đồng dưới 12 tháng) | 2 | 0,45 |

| STT | Nội dung | Tổng số lao động | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------------|------------------|-----------|
| | Phân theo trình độ lao động | | |
| 1 | Trình độ Cao học, trên Đại học | 17 | 3,89 |
| 2 | Trình độ Đại học | 136 | 31,12 |
| 3 | Trình độ Trung cấp, cao đẳng | 111 | 25,4 |
| 4 | Công nhân kỹ thuật + Khác | 173 | 39,59 |
| | Phân theo giới tính | | |
| | Nam | 404 | 92,45 |
| | Nữ | 33 | 7,55 |

- Công tác tổ chức:

+ Bổ nhiệm mới cán bộ: 1 người.

+ Điều động, luân chuyển cán bộ: 22 người.

- Tổng số lao động tăng: 20 người.

- Tổng số lao động giảm: 42 người (hưu trí và thỏa thuận chấm dứt hợp đồng).

+ Hưu trí: 01 người.

+ Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động: 41 người.

- Tổng số tiền trợ cấp thôi việc: 325.419.232 đồng (trợ cấp thôi việc: 292.068.458 đồng + tiền phép: 33.350.774 đồng).

- Công tác đào tạo:

Công ty đã tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu công tác của Công ty, cụ thể:

- Tổ chức 01 Chương trình khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ đèn LED trong chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông tại Myanmar cho cán bộ kỹ thuật và Giám đốc các Xí nghiệp Chiếu sáng, Tín hiệu giao thông.

- Tổ chức đào tạo cập nhật thay đổi và đánh giá nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015 cho 59 cán bộ quản lý và cá nhân được phân công thực hiện công tác ISO của đơn vị để phục vụ cho công tác chuyển đổi tiêu chuẩn từ ISO 9001:2008 lên phiên bản ISO 9001:2015.

- Tổ chức 01 lớp nghiệp vụ về kỹ năng Thuyết trình, thuyết phục cho 12 CB-CNV Công ty nhằm mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.

- Lớp sơ cấp nghề 16SH1A cho 78 công nhân trực tiếp

- Lớp sơ cấp nghề 16SH1B cho 68 công nhân trực tiếp

- Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - Vệ sinh lao động cho 49 cán bộ làm công tác an toàn của các đơn vị.

- Trong năm 2017, Công ty tiếp tục quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

3.2. Công tác tiền lương năm 2017:

Lương bình quân người lao động là 16,997 triệu đồng/người

3.3. Công tác an toàn:

Tiếp tục thực hiện theo các quy định của Công ty về việc thực hiện công tác an toàn hệ thống như: tự kiểm tra giữa các Xí nghiệp (kiểm tra chéo), phòng An toàn đã tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác thực hiện của các Xí nghiệp theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và đột xuất. Công tác sinh hoạt an toàn, kiểm tra chất lượng quản lý vận hành được duy trì liên tục. Kết quả: hệ thống hoạt động ổn định, an toàn trong năm 2017.

Cùng với công tác an toàn hệ thống, công tác an toàn lao động cũng luôn được quan tâm và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, kịp thời, tuân thủ quy định. Về cơ bản công tác an toàn lao động đảm bảo theo yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thi công dự án thay thế hệ thống đèn Led trên địa bàn thành phố Bà Rịa đã xảy ra vụ tai nạn lao động, nguyên nhân là do xe trộn bê tông BS 51E - 037.43 bất ngờ tông vào xe nâng đang thi công từ phía sau, hậu quả: khiến 02 công nhân bị thương nặng.

Bên cạnh đó, công tác Phòng chống cháy nổ đã luôn được tổ chức thực hiện nghiêm túc như: kiểm tra phòng chống cháy nổ định kỳ hàng tháng, hàng quý và các ngày Lễ Tết tại các trụ sở Công ty; tổ chức bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định (đã nạp định kỳ 136 bình chữa cháy các loại tại 5 địa điểm của Công ty).

Ngoài ra, nhằm đảm bảo công tác an toàn được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả, Công ty cũng đã chú trọng đến công tác đào tạo nghề, đào tạo - huấn luyện kỹ năng cho Người lao động trong Công ty, bên cạnh đó cũng tổ chức trang bị công cụ, dụng cụ bảo hộ lao động theo đúng thỏa thuận với Người lao động.

3.4. Công tác thi đua + khen thưởng:

- Công tác thi đua:

Thông qua Hội nghị Người lao động 2017, Công ty đã phát động thi đua và động viên CB-NLĐ đăng ký các danh hiệu thi đua, đăng ký nghiên cứu các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng công trình, chống lãng phí, chống tham ô, cửa quyền, từ đó thúc đẩy các đơn vị trực thuộc hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành tích chung của Công ty.

Phong trào “Lao động giỏi - Lao động sáng tạo” được phát động sâu rộng trong toàn thể CB-NLĐ Công ty, tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo nâng bậc thợ, đào tạo về công tác an toàn cho người lao động. Đồng thời Công ty cũng đã phát huy, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý chuyên ngành để nâng cao hiệu quả công tác. Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm E-OFFIC quản lý chung trong toàn Công ty để các đơn vị trực thuộc phối hợp thực hiện công tác một cách đồng bộ, nhịp nhàng và xuyên suốt.

Phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được triển khai trong toàn thể các đơn vị trực thuộc Công ty gắn với cuộc vận động “học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cụ thể như: tiết kiệm trong việc sử dụng chi phí văn phòng phẩm, chi phí điện thoại, điện, nước sinh hoạt và chi phí tiếp khách, hội họp.

Trong năm 2017 Công ty đã tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3-2, ngày chiến thắng 30-4, kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19-5 bằng hình thức tổ chức giải bóng đá mini cúp Sapulico cho Người lao động.

- Chăm lo người nghèo trên địa bàn đón tết với số tiền 7 triệu đồng.
- Hỗ trợ bệnh nhân nghèo trên địa bàn điều trị bệnh với số tiền 5 triệu đồng.
- Đóng góp ủng hộ Hoàng Sa, Trường Sa với số tiền 5 triệu đồng.
- Đóng góp ủng hộ Quỹ học bổng Trường Trần Hưng Đạo tỉnh Bình Thuận 10 triệu đồng.

- Cử 05 cán bộ Công đoàn tham gia làm công tác xã hội tại xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo kế hoạch của Khối thi đua 24 vào ngày 25, 26/8/2017 nhằm trao đổi kinh nghiệm, giao lưu học hỏi kinh nghiệm thực hiện công tác trước và sau cổ phần hóa tại các đơn vị trong Khối thi đua và trao nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách khó khăn tại huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre với số tiền 15 triệu đồng.

- Vận động toàn thể cán bộ, người lao động Công ty đóng góp một ngày lương ủng hộ đồng bào các tỉnh phía Bắc (gồm các tỉnh Yên Bái, Sơn La, Điện Biên) gặp thiên tai, bão lũ và làm các công tác xã hội khác trong năm 2017, với số tiền 99.610.308 đồng.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về An toàn – Vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ.

- Tiếp tục cử đoàn viên Công đoàn tham gia Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào” do Ban Tuyên giáo Đảng ủy và Công đoàn Công ty HFIC tổ chức.

- Vận động 23 đoàn viên Công đoàn tham gia hiến máu nhân đạo do Công đoàn HFIC tổ chức.

Việc phát động các phong trào thi đua trong đơn vị luôn được sự quan tâm của Đảng bộ Công ty kết hợp với sự nỗ lực của các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các phong trào thi đua uôn được Người lao động hưởng ứng tích cực, đạt được những hiệu quả cao, đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

- Công tác khen thưởng:

Quý khen thưởng của Công ty chưa được thông qua và phê duyệt nên việc khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài Công ty có thành tích đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không thực hiện được.

3.5 Về chi trả cổ tức:

Công ty đã hoàn tất việc Đại hội cổ đông thường niên, chi trả cổ tức cho Cổ đông 6 tháng cuối năm 2016 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2017 theo quy định.

4. Hoạt động đầu tư:

Năm 2017 Công ty chỉ triển khai thực hiện mua sắm một số trang thiết bị công cụ, dụng cụ, tài sản mang tính bắt buộc, thiết yếu và cấp bách phục vụ cho việc điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM kính báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC *[Signature]*

Huỳnh Trí Dũng

Số: 03 /TTr-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 28/07/2017 của Hội đồng quản trị.

Theo đó, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Hội đồng quản trị đã lựa chọn đơn vị kiểm toán Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC đã hoàn tất kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và ký ban hành ngày 30/03/2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Trân trọng kính trình./.

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2017
đã được kiểm toán



Phạm Hưng Út



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06 - 28 |
| Bảng cân đối kế toán | 06 - 07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 28 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-----------------------------|--------------|--|
| Ông Phạm Hưng Út | Chủ tịch | |
| Ông Lê Mạnh Thường | Phó Chủ tịch | |
| Ông Huỳnh Trí Dũng | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Đình Thọ | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017) |
| Bà Đoàn Thị Minh Trang | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017) |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Huỳnh Trí Dũng | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Chiến Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Chí Nam | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Phạm Thị Xuân Liễu | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Tấn Phong | Thành viên |
| Ông Trần Nam Trung | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Số: 300318.085/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2016, Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến việc không thể thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền là 5,9 tỷ đồng. Vấn đề này đã được Công ty khắc phục một phần, tại ngày 31/12/2017 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa chưa được phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.
- Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 29 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2018-002-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

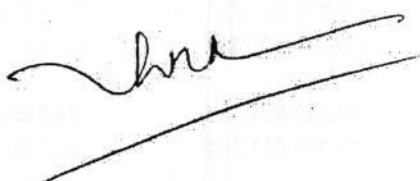
| Mã số TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 347.185.018.865 | 399.170.271.182 |
| 110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 112.392.465.396 | 126.958.167.721 |
| 111 1. Tiền | | 66.392.465.396 | 35.545.087.457 |
| 112 2. Các khoản tương đương tiền | | 46.000.000.000 | 91.413.080.264 |
| 130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 210.011.305.866 | 207.176.105.331 |
| 131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 181.995.135.775 | 152.527.336.419 |
| 132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 5.116.273.603 | 3.135.142.884 |
| 136 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 23.557.610.284 | 52.171.339.824 |
| 137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (657.713.796) | (657.713.796) |
| 140 IV. Hàng tồn kho | 8 | 23.340.775.820 | 57.047.053.698 |
| 141 1. Hàng tồn kho | | 24.586.674.932 | 58.391.782.416 |
| 149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (1.245.899.112) | (1.344.728.718) |
| 150 V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.440.471.783 | 7.988.944.432 |
| 151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 449.277.508 | - |
| 153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 12 | 991.194.275 | 7.988.944.432 |
| 200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 126.166.040.843 | 121.665.504.343 |
| 210 I. Các khoản phải thu dài hạn | | 23.987.768.000 | - |
| 211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 4 | 23.987.768.000 | - |
| 220 II. Tài sản cố định | | 28.438.221.702 | 37.902.320.540 |
| 221 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 28.438.221.702 | 37.902.320.540 |
| 222 - Nguyên giá | | 76.291.648.891 | 75.667.669.891 |
| 223 - Giá trị hao mòn lũy kế | | (47.853.427.189) | (37.765.349.351) |
| 260 VI. Tài sản dài hạn khác | | 73.740.051.141 | 83.763.183.803 |
| 261 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 73.740.051.141 | 83.763.183.803 |
| 270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 473.351.059.708 | 520.835.775.525 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số-NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | VND | (Đã điều chỉnh) VND |
| 300 C. NỢ PHẢI TRẢ | | 157.778.226.454 | 197.718.899.161 |
| 310 I. Nợ ngắn hạn | | 157.778.226.454 | 197.718.899.161 |
| 311 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 11 | 88.715.436.927 | 63.372.452.755 |
| 312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 13 | 653.483.200 | 680.732.936 |
| 313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12 | 515.890.536 | 441.705.152 |
| 314 4. Phải trả người lao động | | 25.497.682.900 | 70.090.620.739 |
| 315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 14 | 8.002.950.515 | 6.012.542.311 |
| 319 6. Phải trả ngắn hạn khác | 15 | 17.659.825.808 | 37.714.811.705 |
| 322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 16.732.956.568 | 19.406.033.563 |
| 400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 315.572.833.254 | 323.116.876.364 |
| 410 I. Vốn chủ sở hữu | 16 | 315.225.229.250 | 320.163.677.620 |
| 411 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| 411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| 412 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 14.232.309.026 | 14.232.309.026 |
| 421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 16.992.920.224 | 21.931.368.594 |
| 421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 232.361.023 | - |
| 421b - LNST chưa phân phối năm nay | | 16.760.559.201 | 21.931.368.594 |
| 430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | | 347.604.004 | 2.953.198.744 |
| 431 1. Nguồn kinh phí | 17 | 347.604.004 | 2.953.198.744 |
| 440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 473.351.059.708 | 520.835.775.525 |



Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

| Mã số CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2017 | Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|---|-------------|-----------------------|--|
| | | VND | VND |
| 01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 18 | 383.141.397.845 | 223.553.882.155 |
| 02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 383.141.397.845 | 223.553.882.155 |
| 11 4. Giá vốn hàng bán | 19 | 293.181.858.175 | 158.440.348.343 |
| 20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 89.959.539.670 | 65.113.533.812 |
| 21 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 20 | 2.908.032.473 | 2.861.381.462 |
| 26 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21 | 61.054.065.044 | 38.345.496.458 |
| 30 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 31.813.507.099 | 29.629.418.816 |
| 31 9. Thu nhập khác | | 1.049.728.964 | 1.024.507.946 |
| 32 10. Chi phí khác | | 1.214.756.374 | 474.725.483 |
| 40 11. Lợi nhuận khác | | (165.027.410) | 549.782.463 |
| 50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 31.648.479.689 | 30.179.201.279 |
| 51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 22 | 6.367.920.488 | 6.035.840.256 |
| 60 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>25.280.559.201</u> | <u>24.143.361.023</u> |
| 70 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 23 | | 680 |

Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng



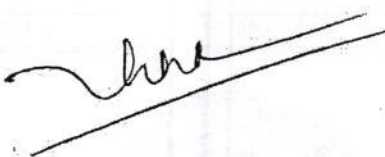
Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2017 | Từ ngày 01/07/2016 |
|--|---|-------------------|----------------------------|
| | | VND | đến ngày 31/12/2016 VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 340.918.195.449 | 141.023.938.170 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | (181.475.903.212) | (99.642.548.244) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | (128.461.273.186) | (51.256.210.340) |
| 05 | 4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | - | (5.000.140.000) |
| 06 | 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 960.586.244 | 877.127.527 |
| 07 | 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | (34.243.588.056) | (52.508.725.950) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (2.301.982.761) | (66.506.558.837) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 27 | 1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 3.273.307.436 | 2.342.291.222 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 3.273.307.436 | 2.342.291.222 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 36 | 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (15.537.027.000) | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (15.537.027.000) | - |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (14.565.702.325) | (64.164.267.615) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 126.958.167.721 | 191.122.435.336 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 112.392.465.396 | 126.958.167.721 |


Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng


Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty là: Hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng và các hoạt động kinh doanh khác.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, hoạt động của Công ty không có nhiều thay đổi so với các năm trước đó, Công ty tiếp tục ký hợp đồng với các Khu quản lý và vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực duy tu, sửa chữa các công trình liên quan đến hoạt động chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tới thời điểm lập báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa chưa được phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 năm |

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 357.946.434 | 208.902.694 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 66.034.518.962 | 35.336.184.763 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 46.000.000.000 | 91.413.080.264 |
| | <u>112.392.465.396</u> | <u>126.958.167.721</u> |

(i) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| Khu Quản lý giao thông đô thị số 1 | 35.388.361.929 | 41.027.085.186 |
| Khu Quản lý giao thông đô thị số 2 | 20.162.331.919 | 7.499.568.214 |
| Khu Quản lý giao thông đô thị số 3 | 51.580.276.226 | 62.028.431.555 |
| Khu Quản lý giao thông đô thị số 4 | 34.192.152.542 | 28.018.028.213 |
| Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh | 33.979.612.000 | - |
| Các đối tượng khác | 30.680.169.159 | 13.954.223.251 |
| | 205.982.903.775 | 152.527.336.419 |
| b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán | | |
| Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn | 181.995.135.775 | 152.527.336.419 |
| Các khoản phải thu khách hàng dài hạn | 23.987.768.000 | - |
| | 205.982.903.775 | 152.527.336.419 |

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH Thương mại Điện Viễn thông Minh Khoa | - | - | 1.741.497.727 | - |
| Trường Cao đẳng Điện Lực TP. HCM | - | - | 331.454.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu | 350.367.360 | - | 349.621.900 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu | 290.161.800 | - | 290.161.800 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn | 4.374.973.443 | - | 162.235.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Liên Anh | - | - | 227.450.107 | - |
| Các đối tượng khác | 100.771.000 | - | 32.722.350 | - |
| | 5.116.273.603 | - | 3.135.142.884 | - |

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 (Đã điều chỉnh) | |
|--|-----------------------|----------|-------------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu Ngân sách Nhà nước do vay | - | - | 33.983.501.891 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi | 158.977.778 | - | 522.550.001 | - |
| Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng | 18.808.737.630 | - | 13.442.387.269 | - |
| Phải thu về cổ phần hóa | 172.798.862 | - | - | - |
| Phải thu thuế TNCN | 323.026.511 | - | 269.346.570 | - |
| Phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 (i) | 2.675.550.011 | - | 2.675.550.011 | - |
| Tạm ứng | 161.760.000 | - | 41.760.000 | - |
| Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh | 1.218.179.082 | - | 1.218.179.082 | - |
| Phần lợi nhuận nộp thừa | - | - | - | - |
| Phải thu khác | 38.580.410 | - | 18.065.000 | - |
| | 23.557.610.284 | - | 52.171.339.824 | - |

(i) Khoản phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 sẽ được thu hồi sau khi Công ty quyết toán chính thức số phải trả cho viên chức quản lý. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, khoản này đã được thu hồi.

7 . NỢ XẤU

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 657.713.796 | - | 657.713.796 | - |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 810 - Chi nhánh phía Nam | 657.713.796 | - | 657.713.796 | - |
| | 657.713.796 | - | 657.713.796 | - |

8 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 15.555.455.872 | - | 19.200.150.966 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 99.217.600 | - | 91.939.700 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i) | 8.742.382.613 | (1.245.899.112) | 38.846.068.893 | (1.344.728.718) |
| Thành phẩm | 189.618.847 | - | 253.622.857 | - |
| | 24.586.674.932 | (1.245.899.112) | 58.391.782.416 | (1.344.728.718) |

(i) Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị các công trình dở dang không thể triển khai với tổng số tiền là 1.245.899.112 VND.

11
ÔN
VNE
KIẾ
A
17

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 33.905.931.917 | 2.882.289.900 | 36.731.222.029 | 2.148.226.045 | 75.667.669.891 |
| - Mua trong năm | - | 112.000.000 | - | 62.843.000 | 174.843.000 |
| - Tặng khác | - | - | - | 449.136.000 | 449.136.000 |
| Số dư cuối năm | 33.905.931.917 | 2.994.289.900 | 36.731.222.029 | 2.660.205.045 | 76.291.648.891 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 10.193.761.694 | 1.901.585.890 | 24.224.349.882 | 1.445.651.885 | 37.765.349.351 |
| - Khấu hao trong năm | 1.468.207.446 | 412.482.852 | 7.548.982.196 | 658.405.344 | 10.088.077.838 |
| Số dư cuối năm | 11.661.969.140 | 2.314.068.742 | 31.773.332.078 | 2.104.057.229 | 47.853.427.189 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 23.712.170.223 | 980.704.010 | 12.506.872.147 | 702.574.160 | 37.902.320.540 |
| Tại ngày cuối năm | 22.243.962.777 | 680.221.158 | 4.957.889.951 | 556.147.816 | 28.438.221.702 |

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 14.767.458.307 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>31/12/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 449.277.508 | - |
| | <u>449.277.508</u> | <u>-</u> |
| b) Dài hạn | | |
| Lợi thế thương mại (i) | 73.740.051.141 | 82.415.351.275 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | - | 1.347.832.528 |
| | <u>73.740.051.141</u> | <u>83.763.183.803</u> |

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <u>31/12/2017</u> | | <u>01/01/2017</u> | |
|---|-----------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bản Sao Việt | 5.974.320.000 | 5.974.320.000 | 8.286.960.000 | 8.286.960.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh | 10.467.052.970 | 10.467.052.970 | 5.870.712.100 | 5.870.712.100 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á | 6.377.905.160 | 6.377.905.160 | 4.313.950.982 | 4.313.950.982 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát | 3.668.579.337 | 3.668.579.337 | 10.013.873.375 | 10.013.873.375 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam | 7.405.023.780 | 7.405.023.780 | 9.699.342.180 | 9.699.342.180 |
| Công ty TNHH NSJ | 21.118.537.000 | 21.118.537.000 | - | - |
| Phải trả các đối tượng khác | 33.704.018.680 | 33.704.018.680 | 25.187.614.118 | 25.187.614.118 |
| | <u>88.715.436.927</u> | <u>88.715.436.927</u> | <u>63.372.452.755</u> | <u>63.372.452.755</u> |

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm (Đã điều chỉnh) | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|----------------------------|---|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 733.763.090 | - | 6.282.044.483 | 5.032.390.857 | - | 515.890.536 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.255.181.342 | - | 6.367.920.488 | - | 887.260.854 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 441.705.152 | 6.048.554.374 | 6.594.192.947 | 103.933.421 | - |
| | 7.988.944.432 | 441.705.152 | 18.698.519.345 | 11.626.583.804 | 991.194.275 | 515.890.536 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện Miền Đông | 100.422.700 | 100.422.700 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 | 495.000.000 | 495.000.000 |
| Các đối tượng khác | 58.060.500 | 85.310.236 |
| | 653.483.200 | 680.732.936 |

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí công trình | 8.002.950.515 | 6.012.542.311 |
| | 8.002.950.515 | 6.012.542.311 |

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 (Đã điều chỉnh) |
|--|-----------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả xây dựng trung tâm điều khiển | - | 33.983.501.891 |
| Phải trả về cổ phần hóa | - | 16.001.138 |
| Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT | 3.433.200.000 | - |
| Phải trả về cổ tức | 8.602.973.000 | - |
| Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân | 3.088.670.292 | 1.286.069.218 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.534.982.516 | 2.429.239.458 |
| | 17.659.825.808 | 37.714.811.705 |

31/01
 C
 BẢNG
 TÀI SẢN
 A
 4/1/17

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quý đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
|--|---------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--|------------------|
| Số dư tại ngày 01/07/2016 | 284.000.000.000 | 14.232.309.026 | 4.208.347.922 | - | 302.440.656.948 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | - | 2.211.992.429 | 2.211.992.429 |
| Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (2.211.992.429) | (2.211.992.429) |
| Chuyển quỹ đầu tư phát triển về cơ quan chủ quản | - | - | (4.208.347.922) | - | (4.208.347.922) |
| Số dư cuối năm trước | 284.000.000.000 | 14.232.309.026 | - | - | 298.232.309.026 |
| Điều chỉnh hồi tố (i) | - | - | - | 21.931.368.594 | 21.931.368.594 |
| Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh) | 284.000.000.000 | 14.232.309.026 | - | 21.931.368.594 | 320.163.677.620 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 25.280.559.201 | 25.280.559.201 |
| Phân phối lợi nhuận năm 2016 | - | - | - | (21.699.007.571) | (21.699.007.571) |
| Tạm chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | (8.520.000.000) | (8.520.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 284.000.000.000 | 14.232.309.026 | - | 16.992.920.224 | 315.225.229.250 |

(i) Điều chỉnh hồi tố quỹ lương của viên chức quản lý và người lao động năm 2016 theo phê duyệt từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận 06 tháng cuối năm 2016 như sau:

| | Số tiền VND |
|--|-----------------------|
| Kết quả kinh doanh sau thuế 6 tháng cuối năm 2016, trong đó: | 24.143.361.023 |
| - Lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2016 | 2.211.992.429 |
| - Điều chỉnh hồi tố theo phê duyệt Quỹ lương của Hội đồng quản trị | 21.931.368.594 |
| Chia cổ tức | 15.620.000.000 |
| Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT | 1.509.000.000 |
| Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT bổ sung do việc thực hiện chỉ tiêu vượt lợi nhuận kế hoạch | 1.953.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 4.829.000.000 |
| - Tạm trích trong 06 tháng cuối năm 2016 | 2.211.992.429 |
| - Trích trong năm 2017 | 2.617.007.571 |
| Lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 | 232.361.023 |

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2017, Công ty công bố việc tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 số tiền là 8.520.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2017 VND | Tỷ lệ % | 01/01/2017 VND | Tỷ lệ % |
|---|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh | 144.840.000.000 | 51,00 | 144.840.000.000 | 51,00 |
| Công ty Cổ phần Long Hậu | 96.560.000.000 | 34,00 | 96.560.000.000 | 34,00 |
| Các cổ đông khác | 42.600.000.000 | 15,00 | 42.600.000.000 | 15,00 |
| | 284.000.000.000 | 100,00 | 284.000.000.000 | 100,00 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2017 VND | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 VND |
|---|-----------------|--|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| - Vốn góp cuối năm | 284.000.000.000 | 284.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | |
| - Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước | 15.620.000.000 | - |
| - Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay | 8.520.000.000 | - |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 |
|--|------------|---------------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 28.400.000 | 28.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 28.400.000 | 28.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 28.400.000 | 28.400.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 28.400.000 | 28.400.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 28.400.000 | 28.400.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu | | |

17 . NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|---|------------------------|--|
| | VND | VND |
| Doanh thu từ hoạt động duy tu và thi công xây lắp | 380.995.698.522 | 222.904.129.447 |
| Doanh thu dịch vụ khác | 2.145.699.323 | 649.752.708 |
| | 383.141.397.845 | 223.553.882.155 |

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|--|------------------------|--|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hoạt động duy tu và thi công xây lắp | 291.635.509.251 | 156.612.461.534 |
| Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (98.829.606) | 1.344.728.718 |
| Giá vốn dịch vụ khác | 1.645.178.530 | 483.158.091 |
| | 293.181.858.175 | 158.440.348.343 |

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Phân loại lại) |
|--------------|----------------------|--|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 2.908.032.473 | 2.861.381.462 |
| | 2.908.032.473 | 2.861.381.462 |

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|----------------------------------|-----------------------|--|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 22.512.088.000 | 16.381.322.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.280.464.476 | 1.306.267.032 |
| Chi phí dự phòng | - | 657.713.796 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.148.294.460 | 9.805.189.113 |
| Chi phí khác bằng tiền | 25.113.218.108 | 10.195.004.517 |
| | 61.054.065.044 | 38.345.496.458 |

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|--|----------------------|--|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 31.648.479.689 | 30.179.201.279 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 191.122.750 | - |
| - <i>Tiền phạt chậm nộp thuế</i> | 191.122.750 | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 31.839.602.439 | 30.179.201.279 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | 6.367.920.488 | 6.035.840.256 |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | (7.255.181.342) | (7.020.957.104) |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | - | (5.000.140.000) |
| Điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp trong các năm trước | - | (1.269.924.494) |
| Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm | (887.260.854) | (7.255.181.342) |

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 |
|---|-----------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 25.280.559.201 | 24.143.361.023 |
| Các khoản điều chỉnh: | (1.769.639.144) | (4.829.000.000) |
| - <i>Quý khen thưởng, phúc lợi dự tính được trích từ lợi nhuận sau thuế (i)</i> | (1.769.639.144) | (4.829.000.000) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 23.510.920.057 | 19.314.361.023 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 28.400.000 | 28.400.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 828 | 680 |

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017 Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 7% trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền dự tính là: 1.678.510.904 VND.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh) |
|----------------------------------|------------------------|--|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 154.552.648.406 | 121.682.664.758 |
| Chi phí nhân công | 93.006.000.000 | 68.894.000.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 10.088.077.838 | 4.442.034.952 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.877.500.896 | 18.003.766.176 |
| Chi phí khác bằng tiền | 31.859.196.076 | 16.742.062.047 |
| | 324.383.423.216 | 229.764.527.933 |

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 112.392.465.396 | - | 126.958.167.721 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 229.540.514.059 | (657.713.796) | 204.698.676.243 | (657.713.796) |
| | 341.932.979.455 | (657.713.796) | 331.656.843.964 | (657.713.796) |
| | | | Giá trị sổ kế toán | |
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 106.375.262.735 | 101.087.264.460 |
| Chi phí phải trả | | | 8.002.950.515 | 6.012.542.311 |
| | | | 114.378.213.250 | 107.099.806.771 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 112.392.465.396 | - | - | 112.392.465.396 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 204.895.032.263 | 23.987.768.000 | - | 228.882.800.263 |
| | <u>317.287.497.659</u> | <u>23.987.768.000</u> | <u>-</u> | <u>341.275.265.659</u> |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 126.958.167.721 | - | - | 126.958.167.721 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 204.040.962.447 | - | - | 204.040.962.447 |
| | <u>330.999.130.168</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>330.999.130.168</u> |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2017 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 106.375.262.735 | - | - | 106.375.262.735 |
| Chi phí phải trả | 8.002.950.515 | - | - | 8.002.950.515 |
| | <u>114.378.213.250</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>114.378.213.250</u> |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 101.087.264.460 | - | - | 101.087.264.460 |
| Chi phí phải trả | 6.012.542.311 | - | - | 6.012.542.311 |
| | <u>107.099.806.771</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>107.099.806.771</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Quỹ tiền lương người lao động và viên chức quản lý năm 2017 đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 (hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước) và đang chờ phê duyệt từ Hội đồng quản trị.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Mối quan hệ | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 |
|---|-------------|----------------|---------------------------------|
| | | VND | VND |
| Chia cổ tức | | | |
| - Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh | Công ty mẹ | 12.311.400.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Long Hậu | Cổ đông lớn | 8.207.600.000 | - |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

| | Mối quan hệ | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|-------------|------------|------------|
| | | VND | VND |

Phải thu khác

| | | | |
|---|------------|---------------|---------------|
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh | Công ty mẹ | 1.218.179.082 | 1.218.179.082 |
|---|------------|---------------|---------------|

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | | Năm 2017 | Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 |
|---|--|---------------|---------------------------------|
| | | VND | VND |
| - Thu nhập của Tổng giám đốc | | 776.537.976 | 394.944.000 |
| - Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị | | 2.657.757.376 | 1.354.181.528 |

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam kiểm toán. Do kỳ kế toán đầu tiên Công ty phải lập Báo cáo tài chính sau khi Cổ phần hóa là kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo quyết định phê duyệt quỹ lương cho viên chức quản lý và người lao động từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh:

| | <u>Mã số</u> | <u>Điều chỉnh lại</u> VND | <u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u> VND | <u>Chênh lệch</u> VND |
|--|--------------|------------------------------|---|--------------------------|
| Bảng Cân đối kế toán | | | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 52.171.339.824 | 51.182.265.137 | 989.074.687 |
| Thuế GTGT được khấu | 152 | - | 627.245.841 | (627.245.841) |
| Thuế và các khoản khác | 153 | 7.988.944.432 | 11.440.084.792 | (3.451.140.360) |
| phải thu Nhà nước | | | | |
| Phải trả người lao động | 314 | 70.090.620.739 | 90.908.620.739 | (20.818.000.000) |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 37.714.811.705 | 37.731.885.365 | (17.073.660) |
| Quỹ khen thưởng, phúc | 322 | 19.406.033.563 | 23.591.640.011 | (4.185.606.448) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa | 421 | 21.931.368.594 | - | 21.931.368.594 |
| phân phối | | | | |
| b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Doanh thu bán hàng và | 01 | 223.553.882.155 | 217.795.516.044 | 5.758.366.111 |
| cung cấp dịch vụ | | | | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 158.440.348.343 | 175.582.996.440 | (17.142.648.097) |
| Chi phí quản lý doanh | 26 | 38.345.496.458 | 43.278.906.058 | (4.933.409.600) |
| NGHIỆP | | | | |
| Thu nhập khác | 31 | 1.024.507.946 | 1.472.735.216 | (448.227.270) |
| Chi phí thuế TNDN hiện | 51 | 6.035.840.256 | 581.012.312 | 5.454.827.944 |
| hành | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế thu | 60 | 24.143.361.023 | 2.211.992.429 | 21.931.368.594 |
| nhập doanh nghiệp | | | | |



Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

Số: 36/Q /CTCSCC-KTTC

Về việc giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
năm 2017 so với năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: CHS) xin giải trình một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm, cụ thể như sau:

- Việc thay đổi đơn giá, định mức của lĩnh vực chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 dẫn đến cơ cấu doanh thu, chi phí của năm 2017 thay đổi so với năm 2016.

- Chi phí hoạt động của Công ty năm 2017 tăng so với năm 2016 do phải chịu phân bổ cả năm các khoản chi phí: giá trị lợi thế thương mại, chi phí khấu hao tài sản cố định, và phân bổ chi phí công cụ dụng cụ do đánh giá lại khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh giảm hơn 10% so với năm 2016.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CP CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT, BTGD;
- Lưu: P.KTTC; P.TCHC.

Huỳnh Trí Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:372.../CV-CSCC

TPHCM, ngày 04 tháng 4 năm 2018

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Năm 2016, Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến việc không thể thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng tồn lâu tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền là 5,9 tỷ đồng. Vấn đề này đã được Công ty khắc phục một phần, tại ngày 31/12/2017 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.”

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình các nội dung trên như sau:

Theo ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam khoản phải thu chưa đối chiếu là 5.916.387.876 đồng. Trong năm 2017 Công ty đã tích cực liên hệ với các Chủ đầu tư để thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, kết quả tính đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, tổng giá trị khoản phải thu chưa đối chiếu từ giảm xuống còn 3.768.085.415 đồng so với năm 2016. Trong năm 2018 Công ty vẫn sẽ tiếp tục làm việc với Chủ đầu tư để xác nhận số công nợ này.

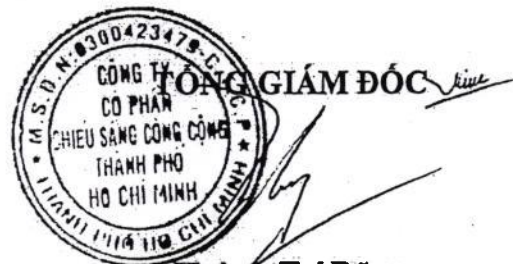
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Huỳnh Trí Dũng

Số: **04 / BC-ĐHĐCĐ**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM
NĂM 2017**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM (sau đây gọi tắt là Công ty), Nghị quyết 02/NQ-HĐQT ngày 29/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thành lập, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 như sau:

I. Thông tin chung:

- Công ty đã thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định và Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp giấy phép đăng ký kinh doanh số 0300423479 ngày 01/07/2016,
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là CHS.

II. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

1. Hội đồng quản trị : gồm 05 thành viên:
 - Ông Phạm Hưng Út – đại diện 5.680.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của Công ty, hiện đang giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Ông Huỳnh Trí Dũng – đại diện 4.544.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16% vốn điều lệ của Công ty, hiện đang giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị.
 - Ông Nguyễn Đình Thọ - đại diện 4.260.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty, hiện đang giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị.
 - Ông Lê Mạnh Thường, hiện đang giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh, giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị đến hết ngày 30/10/2017 và được miễn nhiệm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 30/10/2017.
 - Bà Đoàn Thị Minh Trang, giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị tạm thời từ ngày 01/11/2017 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 30/10/2017.

Ông Lê Mạnh Thường và bà Đoàn Thị Minh Trang đồng đại diện 9.656.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34% vốn điều lệ của Công ty.
2. Ban kiểm soát gồm: 03 thành viên
 - Bà Phạm Thị Xuân Liễu – Trưởng ban;
 - Ông Trần Nam Trung – Thành viên;

- Ông Nguyễn Tấn Phong – Thành viên;
- 3. Ban Tổng giám đốc điều hành gồm: Tổng Giám đốc (do ông Huỳnh Trí Dũng Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm) và 03 Phó Tổng Giám đốc.
- 4. Các đơn vị trực thuộc gồm: 05 phòng chức năng và 14 Xí nghiệp trực thuộc.

III. Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2017:

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị quản lý Công ty bằng biện pháp ban hành các Quy chế quản lý nội bộ và Nghị quyết, hàng quý hoặc đột xuất Hội đồng quản trị họp với bộ máy điều hành để kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết đã ban hành, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các định hướng chỉ đạo trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong sản xuất kinh doanh; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của Luật chứng khoán; đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp và các thành phần có liên quan khác.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Hội đồng quản trị phối hợp và hỗ trợ Tổng giám đốc giải quyết những vướng mắc với các đối tác trong công tác thanh toán, công tác kinh tế, đầu tư và tìm kiếm việc làm. Thường xuyên thảo luận giữa Chủ tịch HĐQT với Tổng giám đốc để đạt được sự thống nhất cao trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc quyền của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền Hội đồng quản trị. Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 5/5 thành viên Hội đồng quản trị.

- Nội dung các phiên họp trong năm 2017 như sau:

- o Phiên họp ngày 20/6/2017: Phê duyệt quỹ lương thực hiện 06 tháng cuối năm 2016; Thông qua nội dung văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; Thông qua việc bổ nhiệm lại 03 Phó Tổng Giám đốc.
- o Phiên họp ngày 28/8/2017: Thông qua việc tái bổ nhiệm các chức danh Trưởng đơn vị và Giám đốc các Xí nghiệp trực thuộc; Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

- Phiên họp ngày 22/09/2017: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán (09/10/2017) và ngày thanh toán cổ tức bằng tiền mặt 06 tháng cuối năm 2016 (19/10/2017), tỷ lệ chi cổ tức 6 tháng cuối năm 2016 là 5,5%/vốn điều lệ; Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán (09/10/2017) lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông nội dung “Bổ nhiệm tạm thời bà Đoàn Thị Minh Trang làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Nguyễn Trường Bảo Khánh (đại diện 3.408.000 cổ phần của Công ty cổ phần Long Hậu tại Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM). Việc bầu bổ sung chính thức thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo Điều lệ Công ty”; Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2017; Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017.
- Phiên họp ngày 13/12/2017: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng khoán (25/12/2017) và ngày thanh toán cổ tức bằng tiền mặt tạm ứng cổ tức năm 2017 (08/01/2018), tỷ lệ tạm ứng chi cổ tức: 3%/vốn điều lệ; Thông qua nội dung bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM; Thông qua Quy chế quản lý công nợ Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát việc tái cơ cấu mô hình tổ chức toàn Công ty; việc triển khai thực hiện kiện toàn, tinh giản bộ máy tổ chức, nhân sự từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.
- Hình thức giám sát: định kỳ Chủ tịch Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty về quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017:

3.1 Về thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế 06 tháng cuối năm 2016:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế 6 tháng cuối năm 2016 như sau:

- Từ ngày 19/10/2017: Công ty đã triển khai chi trả cổ tức 06 tháng cuối năm cho các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp với tỷ lệ chi trả cổ tức là 5,5%/ vốn điều lệ. Công ty đã hoàn tất việc chuyển khoản cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để chi trả cổ tức cho các cổ đông đã thực hiện lưu ký cổ phiếu. Đối với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán và nhận cổ tức bằng tiền mặt, các cổ đông vẫn tiếp tục liên hệ Công ty để nhận cổ tức.
- Công ty đã thực hiện việc trích lập các Quỹ thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo giá trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3.2 Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017:

Trong năm 2017, với sự chỉ đạo và định hướng của Hội đồng quản trị công ty, đặc biệt là việc đề ra các giải pháp kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao công tác quản lý điều hành, hoàn thiện các quy trình thủ tục trong các hoạt động của công ty, đẩy mạnh công tác tìm kiếm và tham gia các gói thầu trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành khác ...kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2017 | Thực hiện 2017 (theo kết quả kiểm toán AASC) | TH/KH |
|-----|----------------------|---------------|--|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | 250.000 | 387.099 | 154,84% |
| 2 | Tổng chi phí | 211.875 | 355.451 | 167,76% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 38.125 | 31.648 | 83,01% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 30.500 | 25.280 | 82,89% |

Năm 2017 Công ty có những khó khăn như việc bị Chủ đầu tư giảm bớt thị phần quận 2, giảm định mức, đơn giá của lĩnh vực chiếu sáng công cộng trên địa bàn TPHCM theo quyết định của Ủy ban nhân dân TPHCM,... dẫn đến doanh thu giảm hơn 40 tỷ đồng so với cùng khối lượng thực hiện năm 2016; đồng thời năm 2017 Công ty phát sinh thêm các khoản chi phí do chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần như phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển (8,4 tỷ đồng/năm), phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị thương hiệu (247 triệu đồng/năm), chi phí khấu hao tài sản số định tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần khoảng 4,5 tỷ đồng/năm; chi phí công cụ dụng cụ phân bổ lại là 899 triệu đồng/năm.

Với những khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực phấn đấu tìm kiếm các công trình khác để bù đắp khối lượng doanh thu đã giảm, kết quả doanh thu năm 2017 tăng 154,84% so với kế hoạch được giao; tuy nhiên do thay đổi cơ cấu doanh thu và chi phí năm 2017 và phần phát sinh chi phí do chuyển đổi doanh nghiệp dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 chỉ đạt 82.89% so kế hoạch được giao.

3.3 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Đây là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách những đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức niêm yết.

3.4 Chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, lương và thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

| STT | Nội dung | Số lượng | Lương | Thù lao | Tổng cộng |
|-----|---|----------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | 432.000.000 | 338.666.667 | 770.666.667 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 người | 432.000.000 | | 432.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 4 người | | 338.666.667 | 338.666.667 |
| | BAN KIỂM SOÁT | | 420.000.000 | 169.333.333 | 589.333.333 |
| 1 | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách | 1 người | 420.000.000 | | 420.000.000 |
| 2 | Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách | 2 người | | 169.333.333 | 169.333.333 |
| | TỔNG CỘNG | | 852.000.000 | 508.000.000 | 1.360.000.000 |

3.5 Về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM:

Công ty đã sửa đổi và bổ sung hoàn tất Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TPHCM theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017;

3.6 Về việc thực hiện công bố thông tin tình hình quản trị công ty:

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện công bố thông tin tình hình quản trị công ty 02 đợt : 6 tháng đầu năm 2017 và cả năm 2017 (chi tiết theo 2 bảng báo cáo đính kèm)

Báo cáo tình hình quản trị Công ty được công bố trên trang web của Công ty, trên 2 hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

4. Kết luận:

Trong năm 2017, Công ty đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHCĐ giao tuy kết quả hoạt động SXKD năm 2017 vẫn chưa đạt theo kế hoạch. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước; thực hiện tốt công tác trả lương và các chế độ cho người lao động, thu nhập và đời sống của người lao động giảm so với năm 2016; các hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TP.HCM và tuân thủ Quy chế quản lý nội bộ của Hội đồng quản trị.

IV. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2018:

Trong năm 2018, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục bị ảnh hưởng bởi chính sách tiết kiệm đầu tư công, ngân sách chi đầu tư cho hạ tầng tiếp tục bị cắt giảm, định mức và đơn giá bị giảm theo các quyết định của UBND TPHCM, đồng thời ảnh hưởng bởi chủ trương về việc tổ chức đấu thầu khối lượng đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên Công ty vẫn tiếp tục cố gắng phấn đấu nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm 2017, cụ thể như sau:

| STT | Các chỉ tiêu chính | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | KH2018/TH2017 |
|-----|---------------------------|--------------------|-------------------|---------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 284.000 | 284.000 | 100% |
| 2 | Doanh thu | 387.099 | 390.000 | 100,7% |
| 3 | Tổng chi phí | 355.451 | 357.919 | 100,7% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 31.648 | 32.081 | 101,4% |
| 5 | Nộp ngân sách (Thuế TNDN) | 6.368 | 6.503 | 102,1% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 25.281 | 25.578 | 101,2% |

Với tình hình hoạt động như trên, Hội đồng quản trị phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và dự kiến chi trả cổ tức năm 2018 là 7,9% /vốn điều lệ/năm.

Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tối ưu nhất.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Doanh nghiệp.
- Hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 được giao.
- Đảm bảo chi cổ tức đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với người lao động.
- Thực hiện hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật đúng quy định.
- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường trong nước, chủ động dự báo về biến động rủi ro từ thị trường, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị để đáp ứng kịp thời các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Phạm Hưng Út

Số 02/2018/BC-CHS-BKS

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 và các số liệu chi tiết do phòng Tài chính Kế toán Công ty cung cấp;
- Căn cứ Nghị quyết 02/NQ-HĐQT ngày 29/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Căn cứ Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty.

Ban Kiểm soát xin báo cáo đến Đại hội đồng Cổ đông tình hình hoạt động của Công ty năm 2017 kết thúc ngày 31/12/2017 với những nội dung cụ thể như sau:

I. Về hoạt động của ban kiểm soát:

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã tiến hành triển khai và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác, về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐQT ngày 29/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- Giám sát đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ban Điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác

quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty.
- Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo qui định của pháp luật và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến trong việc giám sát hoạt động của Công ty trong các cuộc họp.
- Tổ chức phân công, phân nhiệm trong Ban Kiểm soát để phát huy tối đa hiệu quả trong công tác kiểm soát tại Công ty.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành.

Thông qua các hoạt động kiểm soát và thẩm định báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát cho Đại hội đồng Cổ đông với nội dung chi tiết như sau:

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, trao đổi thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và theo sát kế hoạch của Công ty đã đề ra. Chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra trong năm 2017 hợp pháp, đúng với Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, có tác dụng định hướng trung hạn và dài hạn, đề ra các giải pháp sâu sát, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Chỉ đạo đơn vị thực hiện công bố thông tin tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đúng quy định.

- Các thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ đầy đủ quy định theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, tận

tự, có trách nhiệm. Việc xây dựng và thực hiện các chủ trương luôn được sự nhất trí cao trong Hội đồng quản trị. Các chủ trương đều có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc.

- Ban Tổng Giám đốc đã bám sát chủ trương, kế hoạch và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản lý và phát huy nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, cổ đông và các chế độ chính sách cho người lao động, thực hiện rà soát, sắp xếp kiện toàn mô hình tổ chức phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Ban Tổng Giám đốc đã ban hành các quy định, quy chế nội bộ trong Công ty. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Tiếp tục rà soát, ban hành các quy trình, quy chế phù hợp với các quy định mới của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.

- Giám sát các chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc trong công tác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách nhiệm vụ và chấp hành đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao:

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cung cấp đầy đủ các thông tin, biên bản, số liệu, báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, giám sát tài chính ... liên quan đến nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Các ý kiến của Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thực hiện đầy đủ;

- Các đơn vị trực thuộc tích cực hợp tác, hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Ban Kiểm soát luôn lắng nghe và cập nhật thông tin của cổ đông, sẵn sàng phân hồi thông tin đã kiểm soát cho các cổ đông biết đầy đủ, công khai và kịp thời

3. Lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017:

| STT | Họ tên | Số lượng | Lương | Thù lao | Tổng cộng |
|-----|---|----------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | 421.200.000 | 220.000.000 | 641.200.000 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 người | 421.200.000 | | 421.200.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 4 người | | 220.000.000 | 220.000.000 |
| | BAN KIỂM SOÁT | | 379.500.000 | 110.000.000 | 489.500.000 |
| 1 | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách | 1 người | 379.500.000 | | 379.500.000 |
| 2 | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 2 người | | 110.000.000 | 110.000.000 |
| | TỔNG CỘNG | | 800.700.000 | 330.000.000 | 1.130.700.000 |

Đây là khoản đã tạm ứng trong năm 2017, sau khi được phê duyệt quỹ lương 2017 Công ty sẽ thực hiện quyết toán lương và thù lao năm 2017.

4. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

Theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT được ủy quyền và đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính 2017.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017, kết quả cụ thể như sau:

4.1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch (ĐHCĐ) thông qua | Thực hiện theo BCTC đã kiểm toán | TH/KH |
|-----|----------------------|---------------------------|----------------------------------|--------|
| 1 | Tổng doanh thu | 250.000 | 387.099 | 154,8% |
| 2 | Tổng chi phí | 211.875 | 355.451 | 167,8% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 38.125 | 31.648 | 83% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 30.500 | 25.281 | 82,8% |

Về doanh thu: Công ty đã nỗ lực trong việc hoàn thành và vượt chỉ tiêu về doanh thu. Doanh thu chính trong kỳ vẫn là loại hình Duy tu, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông.

Về chi phí: Mức tăng chi phí tương đối cao so với mức tăng doanh thu (67.8% - 54.8%), do năm 2017 Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trọn năm so với năm 2016 là 6 tháng cuối năm nên phát sinh các chi phí so với năm 2016, cụ thể như:

- Chi phí phân bổ giá trị lợi thế doanh nghiệp;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi;

; - Chi phí giải quyết cho Người lao động nghỉ việc theo nguyện vọng tăng.

4.2 Tình hình tài chính (dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

4.2.1 Cơ cấu tài sản – nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Khoản mục | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | | Tăng/Giảm | |
|------------|-------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| 1 | TỔNG TÀI SẢN | 473.351 | 100,00% | 520.835 | 100,00% | -47.484 | |
| 1.1 | Tài sản ngắn hạn | 347.185 | 73,35% | 399.170 | 76,64% | -51.985 | -3,29 |
| | Tiền & tương đương tiền | 112.392 | 23,74% | 126.958 | 24,38% | -14.566 | |
| | Phải thu ngắn hạn | 210.011 | 44,37% | 207.176 | 39,78% | 2.835 | |
| | Hàng tồn kho | 23.341 | 4,93% | 57.047 | 10,95% | -33.706 | |
| | Tài sản ngắn hạn khác | 1.440 | 0,30% | 7.989 | 1,53% | -6.549 | |
| 1.2 | Tài sản dài hạn | 126.166 | 26,65% | 121.665 | 23,36% | 4.501 | 3,29 |
| | Phải thu dài hạn | 23.988 | 5,07% | 0 | 0,00% | 23.988 | |
| | Tài sản cố định | 28.438 | 6,01% | 37.902 | 7,28% | -9.464 | |
| | Tài sản dài hạn khác | 73.740 | 15,58% | 83.763 | 16,08% | -10.023 | |
| 2 | NGUỒN VỐN | 473.351 | 100,00% | 520.835 | 100,00% | -47.484 | |
| 2.1 | Nợ phải trả | 157.778 | 33,33% | 197.719 | 37,96% | -39.941 | -4,63 |
| | Ngắn hạn | 157.778 | 33,33% | 197.719 | 37,96% | -39.941 | |
| 2.2 | Vốn chủ sở hữu | 315.573 | 66,67% | 323.116 | 62,04% | -7.543 | 4,63 |

Nhìn chung, cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2017 là phù hợp và an toàn.

4.2.2 Tình hình công nợ:

* **Nợ phải thu:** Công ty có số dư nợ phải thu cao 233.999 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 49,44%) trong cơ cấu tổng tài sản. Bao gồm các khoản:

- Phải thu của khách hàng: 205.983 triệu đồng

Trong đó:

+ Phải thu ngắn hạn khách hàng là 181.995 triệu đồng, số dư nợ này chủ yếu là từ các Khu quản lý giao thông đô thị phát sinh từ công tác đặt hàng các sản phẩm dịch vụ công ích và các công trình xây lắp. Trong đó có khoảng 145.000 triệu đồng đã được chủ đầu tư thanh toán cho Công ty vào đầu năm 2018, số còn lại là khoản nợ do chủ đầu tư chưa được cấp kinh phí, các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, nợ bảo hành công trình, nợ thuế GTGT mua vật tư thiết bị công tác duy tu đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét.

+ Phải thu khách hàng dài hạn là 23.988 triệu đồng, đây là công nợ của công trình thi công trang trí đèn Led phục vụ CSCC và trang trí đô thị tại Tây Ninh, theo hợp đồng đã ký kết công trình có thời gian thanh toán theo giai đoạn và đến năm 2021 sẽ hoàn tất việc thanh quyết toán.

* **Nợ phải trả:** Công ty không có số dư nợ vay, khoản nợ chủ yếu là nợ phải trả nhà cung cấp và trích chi phí phải trả người lao động nên chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đang ở mức an toàn.

4.2.3 Một số chỉ tiêu tài chính:

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------------|------------|------------|
| HỆ SỐ THANH TOÁN | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 2,2 | 2,02 |
| Khả năng thanh toán nhanh | 2,05 | 1,73 |
| HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG | | |
| Vòng quay khoản phải thu khách hàng | 1,84 | |
| Vòng quay hàng tồn kho | 7,29 | |
| TỶ SUẤT | | |
| LN sau thuế / DT thuần (ROS) | 6,6% | |
| LN sau thuế / Vốn CSH (ROE) | 8,9% | |
| LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 5,3% | |

Các chỉ số tài chính tại ngày 31/12/2017 nhìn chung rất khả quan, thể hiện tài chính ổn định của Công ty.

4.3. Về thực hiện các ý kiến, khiếu nại của Cổ đông.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự đại hội, Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao cho. Ban Kiểm soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc xây dựng các quy chế, nghị quyết, quyết định.

2. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã phấn đấu vượt qua khó khăn và hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuy nhiên do một số yếu tố khách quan và các chi phí phát sinh so với năm 2016 như chi phí phân bổ giá trị lợi thế doanh nghiệp; chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, nên các chỉ tiêu về lợi nhuận và cổ tức không đạt kế hoạch đề ra.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.

- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là nội dung kết quả trong quá trình kiểm tra giám sát hoạt động Công ty và phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Chúc sức khoẻ Quý Đại biểu, Quý Cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Xuân Liễu

Số: 05 / TTr-DHĐCĐ

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Báo cáo lương, thù lao Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017, cụ thể như sau:

| STT | Họ tên | Số lượng | Lương | Thù lao | Tổng cộng |
|-----|---|----------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | 432.000.000 | 338.666.667 | 770.666.667 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 người | 432.000.000 | | 432.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 4 người | | 338.666.667 | 338.666.667 |
| | BAN KIỂM SOÁT | | 420.000.000 | 169.333.333 | 589.333.333 |
| 1 | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách | 1 người | 420.000.000 | | 420.000.000 |
| 2 | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 2 người | | 169.333.333 | 169.333.333 |
| | TỔNG CỘNG | | 852.000.000 | 508.000.000 | 1.360.000.000 |

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hưng Út

Số: 06 /TTr-DHĐCĐ

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế
năm 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 như sau:

| STT | Chi tiêu | Tỷ lệ | Thành tiền (Triệu đồng) |
|-----|--|-------------------------|----------------------------|
| | Lợi nhuận trước thuế | | 31.648,0 |
| | Lợi nhuận sau thuế | | 25.280,0 |
| | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | | 233,0 |
| 1 | Chia cổ tức năm 2017 | 7,9% / vốn điều lệ | 22.436,0 |
| 2 | Thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT và Ban điều hành (*) | 5% Lợi nhuận sau thuế | 1.264,0 |
| 3 | Quỹ Khen thưởng | 3,5% Lợi nhuận sau thuế | 885,0 |
| 4 | Quỹ Phúc lợi | 3,5% Lợi nhuận sau thuế | 885,0 |
| 6 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | | 43,0 |

(*)Thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT và Ban điều hành bao gồm khoản thưởng Ban điều hành là 229,5 triệu đồng.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hưng Út

Số: 07 /TT-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

**TỜ TRÌNH
THÔNG QUA KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 của Hội đồng quản trị về ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 cùng các tác động đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm gần đây, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh kính báo cáo xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2018, cụ thể như sau:

1. Đánh giá tình hình năm 2018:

1.1 Tình hình chung:

Với những kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2017, cho thấy hoạt động của Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn cả về chủ quan lẫn khách quan. Theo kết quả thực hiện của năm 2017, lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đặt hàng) và lĩnh vực thi công xây lắp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty và sẽ được duy trì cho các năm tiếp theo, trong đó có năm 2018. Cụ thể:

- Đối với lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu):

+ Là lĩnh vực được sử dụng từ nguồn vốn chi ngân sách thường xuyên của Thành phố trong kinh phí kiến thiết thị chính. Theo xu thế chia sẻ chung, Thành phố phải cắt giảm 5% tỷ lệ thu ngân sách được giữ lại giai đoạn 2017-2020, do đó ngân sách của thành phố sẽ được điều chỉnh giảm cho phù hợp, trong đó có chi ngân sách thường xuyên. Vì vậy, nguồn vốn cho lĩnh vực xây dựng công trình công ích năm 2018 là giảm.

+ Năm 2018 là năm đầu tiên thực hiện theo phương thức đấu thầu theo hình thức mời rộng rãi, công khai. Do yêu cầu về cạnh tranh về giá buộc lòng Công ty phải giảm giá, cạnh tranh với nhiều đơn vị tham gia nên thị phần thực hiện tiếp tục giảm; bên cạnh đó do khối lượng mời thầu chỉ dừng ở mức tiên lượng, đơn giá, định mức, các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nhất là công tác phát sinh, về xử phạt, ... theo hình thức thực hiện mới, vì vậy dự báo việc thực hiện lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu) năm 2018 là hết sức khó khăn.

+ Về khối lượng trong phạm vi hợp đồng: khối lượng mời thầu, ký hợp đồng chỉ dừng ở mức tiên lượng, chưa theo hiện trạng hệ thống (có khối lượng nhưng thực tế hệ thống hiện hữu không có để thực hiện), chỉ có hạng mục và khối lượng công tác, không có bản vẽ thiết kế và không có vị trí thi công cụ thể nên việc triển khai thực hiện sẽ khó khăn, khả năng không thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng của gói thầu. Hiện nay, các Chủ đầu tư đang triển khai chỉ dừng ở mức hư hỏng, sửa chữa. Chưa được triển khai thực hiện các khối lượng của gói thầu, đặc biệt là đối với khối lượng an toàn điện, duy tu hệ thống theo định mức, định ngạch.

+ Về khối lượng công tác phát sinh: theo quy định của pháp luật, đối với khối lượng phát sinh, nhất là đối với khối lượng phát sinh chưa có đơn giá (hạng mục ngoài trong Hợp đồng), để hội đủ điều kiện triển khai thực hiện thì phải đáp ứng các thủ tục, trình tự như:

- * Lập biên bản thống nhất hạng mục, khối lượng phát sinh.
- * Lập dự toán phát sinh.
- * Trình thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán phát sinh.
- * Thỏa thuận, thống nhất đơn giá phát sinh.
- * Ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.
- * Triển khai thực hiện.

Do tính chất đặc thù của hệ thống luôn luôn có phát sinh, quỹ thời gian thực hiện đối với các khối lượng phát sinh luôn rất hạn hẹp. Nếu để hoàn thiện thủ tục, trình tự theo quy định là không thể đáp ứng với yêu cầu đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, đặc biệt là tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro đến an toàn điện (nguy cơ này có thể xảy ra bất cứ lúc nào). Do đó, trong thời gian qua Công ty buộc lòng thực hiện khối lượng công tác phát sinh theo yêu cầu nhưng chưa được các Chủ đầu tư thanh toán.

Điển hình như: hợp đồng được ký kết với Trung tâm Quản lý đường hầm sông Sài Gòn là Hợp đồng trọn gói, với giá trị là 7.530 triệu đồng, theo quy định loại hợp đồng này không được phát sinh. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù nêu trên, chỉ trong quý 1/2018, khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo yêu cầu từ Chủ đầu tư đã có giá trị là 529 triệu đồng. Kết thúc quý 1/2018, Công ty đã có văn bản báo cáo, đề nghị Chủ đầu tư xem xét, giải quyết; hướng dẫn về thủ tục, trình tự thực hiện nhưng đến nay Công ty vẫn chưa nhận được ý kiến chính thức từ Chủ đầu tư.

- Đối với lĩnh vực thi công xây lắp:

Việc thực hiện Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu nên tiếp tục là trở ngại của Công ty trong năm 2017 và được tiếp tục duy trì trong năm 2018 nếu không có chính sách tháo gỡ từ cấp thẩm quyền.

- Đối với lĩnh vực tư vấn, thiết kế: vẫn với xu thế không tăng trưởng của các năm gần đây.

- Lãi tiền gửi ngân hàng: được hình thành từ số dư tiền gửi của Công ty (phát sinh từ các khoản phải trả cho Người lao động, các khoản chưa thanh toán cho khách hàng do điều kiện thanh toán đã thỏa thuận, ...). Theo quy định hoạt động của Công ty cổ, Công ty phải hoàn thành công tác tài chính theo quy định dẫn đến nguồn hình thành số dư tiền gửi của Công ty là rất ít, không đủ để duy trì hoạt động sau cổ phần.

- Lĩnh vực khác: Chủ yếu là các công tác đột xuất không nằm hoặc không thể dự trù trong kế hoạch, chủ yếu là từ nguồn thu hộ trong công tác đền bù sự cố nên Công ty xác định ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Từ nhận định trên, Công ty xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho năm 2018 như sau:

1.2 Tình hình năm 2018:

a) Thuận lợi:

- Tiếp tục được sự quan tâm, theo dõi, chỉ đạo, hỗ trợ của các Sở, ngành chức năng trong hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục được giao thực hiện công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống chiếu sáng đô thị theo hình thức đấu thầu.

- Đối với lĩnh vực thi công xây lắp: dự báo được các Chủ đầu tư triển khai với các gói thầu có giá trị lớn với số lượng tăng của năm 2017, sẽ là tiền đề để các Chủ đầu tư triển khai trong năm 2018 và Công ty chủ động tham gia đấu thầu, nhận thầu thi công các công trình trong năm.

- Tiếp tục là sự đồng thuận cao trong tập thể Lãnh đạo Công ty, sự hỗ trợ tích cực từ các cổ đông, đặc biệt là cổ đông chiến lược, sự nhất trí trong toàn thể Người lao động của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh chung.

- Công ty đã hoạt động, vận hành ổn định về cơ cấu, về tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần.

b) Khó khăn:

Các khó khăn trong năm 2017 chưa được cấp thẩm quyền chỉ đạo giải quyết chính thức cũng chính là các khó khăn được tiếp nối trong năm 2018, bên cạnh đó đã xuất hiện nhiều khó khăn, thách thức khách quan mới, cụ thể:

- Đối với lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu):

+ Do đây là năm đầu tiên thực hiện theo hình thức đấu thầu nên cần quỹ thời gian để thống nhất, vận hành ổn định. Mặt khác, có thể sẽ ảnh hưởng đến công tác

thanh, quyết toán cuối năm vì các Chủ quản lý vẫn chưa có quan điểm rõ ràng nghiệm thu, thanh toán khi thực hiện theo hình thức đấu thầu.

+ Hợp đồng năm 2018 các Chủ quản lý áp dụng hình thức phạt rất nặng với các lỗi thường gặp.

+ Về giảm đơn giá, định mức của lĩnh vực chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 được tiếp tục duy trì cho năm 2018 (các Chủ quản lý áp dụng xây dựng, phê duyệt dự toán đấu thầu) nên sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu tài chính, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty.

- Đối với lĩnh vực thi công xây lắp:

Tiếp tục bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Lĩnh vực kinh doanh khác:

Chủ yếu là công tác đột xuất không nằm trong kế hoạch nên cơ sở, căn cứ để xây dựng kế hoạch chỉ tiêu tài chính của năm tài chính kế tiếp là khó khăn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và dự báo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

2.1 Mục tiêu:

- Phần đầu hoàn thành đạt mức chỉ tiêu tài chính năm 2018 đề ra.
- Đảm bảo bảo toàn nguồn vốn của Doanh nghiệp.
- Đảm bảo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.
- Chăm lo và nâng cao đời sống cho Người lao động, thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với Người lao động.
- Tiếp tục củng cố, từng bước xây dựng, phát triển hơn nữa thương hiệu của Công ty.
- Không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí đối với tài sản và vật tư thiết bị.

2.2 Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cụ thể:

- Về lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu):
 - + Phần đầu hoàn thành khối lượng, giá trị của công tác duy tu năm 2018, đặc biệt trong điều kiện giảm giá, mất thị phần và thay đổi về hình thức từ đặt hàng sang đấu thầu; thay đổi quy định áp dụng và điều kiện phạt Hợp đồng.
 - + Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia công tác đấu thầu năm 2019 hoặc các năm tiếp theo theo Kế hoạch của Chủ quản lý.

- Về lĩnh vực lắp đặt hệ thống điện (thi công xây lắp):

Tiếp tục có những giải pháp nhằm đẩy mạnh tham gia lĩnh vực thi công xây lắp. Thống nhất các giải pháp về tài chính, về hậu mãi để tăng năng lực cạnh tranh của giá chào. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu thị trường và xây dựng chiến lược mở rộng thị phần.

- Về các lĩnh vực, nội dung khác:

+ Về lĩnh vực tư vấn, thiết kế: Đẩy mạnh tham gia, tích cực nghiên cứu, thị trường nhằm nâng cao giá trị đóng góp cho hoạt động của Công ty.

+ Tập trung theo dõi, tiếp tục kiến nghị để được giải quyết các vướng mắc, khó khăn của năm 2017 làm cơ sở, tiền đề cho hoạt động của Công ty trong năm 2018.

+ Tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực LED vì đây là xu thế tất yếu.

+ Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, vốn, tài sản và lao động.

+ Đảm bảo thực hiện hoàn thành, phần đầu đạt, vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu được Đại hội cổ đông thông qua. Đồng thời, đảm bảo công ăn, việc làm của Người lao động.

Về các nhóm giải pháp cụ thể:

- Giải pháp về tổ chức:

+ Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện bộ máy tổ chức của các đơn vị trực thuộc theo hướng phù hợp với hình thức đấu thầu của công tác duy tu.

+ Xây dựng các giải pháp tăng năng suất lao động nhằm tăng khối lượng thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên bù đắp cho việc giảm đơn giá, định mức của công tác quản lý vận hành.

+ Xây dựng các giải pháp, cơ chế phòng ngừa rủi ro trong quy định phạt vi phạm Hợp đồng mà các Chủ quản lý áp dụng năm 2018.

- Giải pháp về công nghệ:

+ Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số trong tổ chức điều hành hoạt động nhằm tối ưu hóa dây chuyền công nghệ, khai thác tối đa thế mạnh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Đầu tư cơ sở vật chất và năng lực thiết bị xe máy chuyên dùng trong đó ưu tiên đầu tư phương tiện thiết yếu phục vụ cho yêu cầu sản xuất nội tại của Công ty và phục vụ mục tiêu kinh doanh trong thị trường xây lắp (cho thuê xe, quảng cáo,...).

+ Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất và đi đầu trong sử dụng đèn LED, đón đầu xu thế chiếu sáng mới – tiết kiệm năng lượng – hiệu quả.

- Giải pháp về chế độ, chính sách:

+ Tiếp tục thực hiện giao chỉ tiêu sản lượng về các Xí nghiệp trực thuộc trên cơ sở tính toán năng lực thực tế, đặc thù địa bàn, kết quả đấu thầu... tạo điều kiện để

Giám đốc các Xí nghiệp, Trưởng các đơn vị phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tìm kiếm công trình, tổ chức thực hiện.

+ Nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các chế độ tài chính, hậu mãi để tăng cường năng lực cạnh tranh tham gia đấu thầu tư vấn, xây lắp và quản lý (nếu có).

+ Tiếp tục ứng dụng KPIs (chỉ số đo lường hiệu quả công việc) trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty (theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền).

2.3 Các chỉ tiêu chính năm 2018:

DVT: triệu đồng

| Stt | Các chỉ tiêu chính | Thực hiện năm 2017 | Dự kiến kế hoạch năm 2018 | Tỷ lệ |
|-----|---------------------------|--------------------|---------------------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | 284.000 | 284.000 | 100,00% |
| 2 | Doanh thu | 387.099 | 390.000 | 100,75% |
| 3 | Chi phí | 355.451 | 357.919 | 100,69% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 31.648 | 32.081 | 101,37% |
| 5 | Nộp ngân sách (thuế TNDN) | 6.368 | 6.503 | 102,12% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 25.280 | 25.578 | 101,18% |

Cơ sở để xây dựng, đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Về doanh thu:

Theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đặt hàng) và lĩnh vực thi công xây lắp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục nỗ lực, phấn đấu thực hiện nhằm đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh tối ưu nhất, tuy nhiên do bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan, khả năng năm 2018 chỉ đạt bằng hoặc vượt không nhiều so với kết quả thực hiện năm 2017, cụ thể như sau:

- Đối với lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu):

+ Năm 2018 là năm đầu tiên thực hiện theo phương thức đấu thầu theo hình thức mời rộng rãi, công khai. Do yêu cầu cạnh tranh về giá buộc lòng Công ty phải giảm giá; và cạnh tranh với nhiều đơn vị tham gia nên thị phần thực hiện tiếp tục giảm, năm 2018 Công ty đang thực hiện 21/24 quận/huyện so với năm 2017 là 23/24 quận/huyện.

+ Khối lượng mời thầu, ký hợp đồng chỉ dừng ở mức được Chủ đầu tư tiên lượng, việc thực hiện sẽ theo thực tế hư hỏng; bên cạnh đó đơn giá, định mức, các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nhất là công tác phát sinh, về xử phạt, ... theo hình thức thực hiện mới, vì vậy việc thực hiện lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu) năm 2018 là khó khăn hơn so với năm 2017.

Mặc dù, đứng trước yêu cầu cạnh tranh về giá buộc lòng Công ty phải giảm giá; việc giảm thị phần thực hiện (năm 2018 Công ty đang thực hiện 21/24 quận/huyện so với năm 2017 là 23/24 quận/huyện) và đứng trước phát sinh về thủ tục, trình tự thực hiện theo hình thức mới, Công ty vẫn tạm ước tính kết quả của lĩnh vực duy tu

(lĩnh vực công ích theo phương thức đặt hàng và theo phương thức đấu thầu) năm 2018 với giá trị 297.108 triệu đồng (tương đương với thực hiện năm 2017 là 302.387 triệu đồng).

- Về lĩnh vực thi công xây lắp: do việc tiếp tục bị ảnh hưởng bởi Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014, tuy nhiên Công ty phấn đấu xác định doanh thu của lĩnh vực này tăng 10% so với thực hiện năm 2017, với giá trị là 86.470 triệu đồng.

- Về lãi tiền gửi ngân hàng: Công ty phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định dẫn đến nguồn hình thành số dư tiền gửi của Công ty hàng năm là rất ít, không đủ để duy trì hoạt động và phải tính đến phương án vay vốn nên Công ty đề nghị ghi nhận theo số thực tế có phát sinh. Tuy nhiên, Công ty vẫn dự kiến doanh thu của lĩnh vực này bằng với thực hiện năm 2017, với giá trị là 2.908 triệu đồng.

- Về lĩnh vực tư vấn, thiết kế: Phấn đấu tăng 10% so với thực hiện năm 2017, với giá trị là 574 triệu đồng.

- Về lĩnh vực khác: là các công tác đột xuất, chủ yếu là từ nguồn thu hộ trong công tác đền bù sự cố, tuy nhiên Công ty xác định dự kiến tăng 10% so với thực hiện năm 2017, với giá trị là 2.940 triệu đồng.

Như vậy, tổng doanh thu năm 2018 dự kiến: 390.000 triệu đồng. Chi tiết như sau:

| STT | Chỉ tiêu doanh thu | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Tỷ lệ |
|-----|---------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Lĩnh vực duy tu | 302.387 | 297.108 | 98,25% |
| 2 | Lĩnh vực thi công xây lắp | 78.609 | 86.470 | 110,00% |
| 3 | Lĩnh vực tư vấn, thiết kế | 522 | 574 | 110,00% |
| 4 | Lĩnh vực khác | 2.673 | 2.940 | 110,00% |
| 5 | Lãi tiền gửi ngân hàng | 2.908 | 2.908 | 100,00% |
| | TỔNG CỘNG | 387.099 | 390.000 | 100,75% |

Về chi phí:

- Về chi phí không lương: ngoài các chi phí bắt buộc, tiếp tục phát sinh các chi phí như: chi phí phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là tiềm năng phát triển và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa doanh nghiệp; chi phí khấu hao tài sản số định tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần; chi phí khấu hao công cụ dụng cụ tăng do đánh giá lại khi chuyển đổi sang công ty cổ phần; Trong điều kiện doanh thu tăng, giá trị quản lý vận hành của lĩnh vực duy tu (lĩnh vực công ích theo phương thức đấu thầu) giảm do giảm tần suất thực hiện so với 06 tháng đầu năm 2017, do mất thị phần (21/24 quận huyện so với 23/24 quận huyện năm 2017), Công ty vẫn xác định chi phí không lương phấn đấu tương đương năm 2017, với giá trị 262.800 triệu đồng (tăng 0,14% so với thực hiện năm 2017, thấp hơn tỷ lệ tăng của doanh thu: 0,75%).

- Về chi phí lương: với điều kiện tổng doanh thu ước tính tăng, lao động bình quân không tăng so với năm 2017, do đó chi phí lương được xác định tăng tương ứng

với việc năng suất lao động bình quân tăng, với giá trị kế hoạch là 91.577 triệu đồng (năm 2017 dự kiến thực hiện là: 89.744).

Như vậy, tổng chi phí năm 2018 dự kiến là: 357.989 triệu đồng (tăng 0,71% so với thực hiện năm 2017, thấp hơn tỷ lệ tăng của doanh thu: 0,75%).

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hưng Út

Số: 08 / TTr-ĐHĐCĐ

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018, cụ thể như sau:

| STT | Họ tên | Số lượng | Lương | Thù lao | Tổng cộng |
|-----|---|----------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | 432.000.000 | 345.600.000 | 777.600.000 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 người | 432.000.000 | | 432.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 4 người | | 345.600.000 | 345.600.000 |
| | BAN KIỂM SOÁT | | 432.000.000 | 172.800.000 | 604.800.000 |
| 1 | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách | 1 người | 432.000.000 | | 432.000.000 |
| 2 | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 2 người | | 172.800.000 | 172.800.000 |
| | TỔNG CỘNG | | 864.000.000 | 518.400.000 | 1.382.400.000 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Phạm Hưng Ứt

Số: 09 / TTr-ĐHĐCĐ

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế
năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự kiến phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Tỷ lệ | Thành tiền (triệu đồng) |
|-----|--|-------------------------|----------------------------|
| | Lợi nhuận sau thuế | | 25.578,0 |
| | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | | 43,0 |
| 1 | Dự kiến chia cổ tức | 7,9% vốn điều lệ | 22.436,0 |
| 2 | Thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT, Ban điều hành | 5% lợi nhuận sau thuế | 1.279,0 |
| 3 | Quỹ Khen thưởng | 3,5% lợi nhuận sau thuế | 895,0 |
| 4 | Quỹ Phúc lợi | 3,5% lợi nhuận sau thuế | 895,0 |
| | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối | | 116,0 |

Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận được giao, ngoài các khoản trích theo nêu trên, HĐQT, BKS, Ban Điều hành và Người lao động sẽ được trích thêm khoản thưởng theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hưng Út

Số: 10 /TTr-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán và hình thức lựa chọn kiểm toán như sau:

Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty kiểm toán:

- Là Công ty Kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và thuộc danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;

- Có uy tín, kinh nghiệm kiểm toán đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam;

- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng TP.HCM về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

Hình thức lựa chọn:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua về việc “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018” theo các tiêu chuẩn nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Xuân Liễu

Số: 11 /TT-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn tất dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Phạm Hưng Út

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**Dự thảo
ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(sửa đổi và bổ sung)**

Tp.HCM, tháng ... năm 2018

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU..... | 5 |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ..... | 5 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ..... | 5 |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty..... | 5 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty..... | 6 |
| III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 6 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... | 6 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty..... | 7 |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... | 7 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập..... | 7 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu..... | 8 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác..... | 8 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... | 8 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần..... | 9 |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT..... | 9 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát..... | 9 |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... | 10 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông..... | 10 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông..... | 11 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông..... | 11 |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 12 |
| Điều 16. Đại diện theo ủy quyền..... | 13 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền..... | 14 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 19 |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 20 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 21 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 22 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị..... | 22 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị..... | 22 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị..... | 24 |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị..... | 25 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị..... | 26 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị..... | 26 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị..... | 29 |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty..... | 29 |
| VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY..... | 30 |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý..... | 30 |
| Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp..... | 30 |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng Giám đốc..... | 31 |
| Điều 36. Thư ký Công ty..... | 32 |
| IX. BAN KIỂM SOÁT..... | 32 |
| Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên..... | 32 |
| Điều 38. Kiểm soát viên..... | 32 |
| Điều 39. Ban kiểm soát..... | 33 |
| X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 35 |
| Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng..... | 35 |
| Điều 41. Công khai các lợi ích liên quan, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 35 |
| Điều 42. Trách nhiệm của người điều hành công ty..... | 37 |
| Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận..... | 37 |
| Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 38 |
| XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... | 39 |
| Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ..... | 39 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 39 |
| Điều 46. Công nhân viên và công đoàn..... | 39 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 39 |
| Điều 47. Phân phối lợi nhuận..... | 39 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN..... | 40 |

| | |
|--|-------------------------------------|
| Điều 48. Tài khoản ngân hàng | 40 |
| Điều 49. Năm tài chính | 40 |
| Điều 50. Chế độ kế toán..... | 40 |
| Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý..... | 41 |
| Điều 52. Báo cáo thường niên | 41 |
| XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY | 41 |
| Điều 53. Kiểm toán..... | 41 |
| XVII. CON DẤU | 42 |
| Điều 54. Con dấu | 42 |
| XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ | 42 |
| Điều 55. Chấm dứt hoạt động | 42 |
| Điều 56. Gia hạn hoạt động..... | Error! Bookmark not defined. |
| Điều 57. Thanh lý | 42 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 43 |
| Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ | 43 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ..... | 43 |
| Điều 59. Điều lệ công ty | 43 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC..... | 44 |
| Điều 60. Ngày hiệu lực | 44 |

Handwritten title or header text at the top of the page.

A large table with multiple columns and rows of handwritten text, possibly a ledger or record book. The text is very faint and difficult to read.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội tổ chức vào ngày 21 tháng 06 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) Công ty Cổ phần lần đầu;
- e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HO CHI MINH CITY PUBLIC LIGHTING JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **SAPULICO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 38 536 883

- Fax: (028) 38 592 896

- Email: cscctphcm@chieusang.com

- Website: www.chieusang.com - www.sapulico.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 1 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Hoạt động công ích: Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử, bộ lập trình PLC, cáp quang, thiết bị thu nhận truyền dẫn thông tin hình ảnh bằng kỹ thuật số về trung tâm điều khiển. | 4220 (Chính) |
| 2 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình). Tư vấn khảo sát, lập dự án, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử, hệ thống thu nhận truyền dẫn thông tin, hình ảnh bằng kỹ thuật số về trung tâm điều khiển, bộ lập trình PLC, hệ thống điều khiển tự động cho trạm thu phí giao thông và bãi giữ xe ô tô, hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. | 7110 |
| 3 | Lắp đặt hệ thống điện: Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Thi công xây lắp mới các hệ thống: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử, hệ thống thu nhận truyền dẫn thông tin, hình ảnh bằng kỹ thuật số về trung tâm điều khiển, bộ lập trình PLC, hệ thống điều khiển tự động cho trạm thu phí giao thông và bãi giữ xe ô tô, hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. | 4321 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 4 | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng: Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: đèn tín hiệu giao thông, sản phẩm cơ khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). | 2740 |
| 5 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: chi tiết: Lắp đặt công trình ngầm của hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử, bộ lập trình PLC, cáp quang thiết bị thu nhận truyền dẫn thông tin hình ảnh bằng kỹ thuật số về trung tâm điều khiển, dịch vụ lắp đặt các phương tiện quảng cáo. | 4329 |

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là **284.000.000.000 đồng** (Hai trăm tám mươi bốn tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 28.400.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Công ty không có cổ đông sáng lập.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng

khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Thu hồi cổ phần

- a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
- b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

2. Mua lại cổ phiếu của người lao động trong Công ty vi phạm cam kết làm việc lâu dài tại Công ty:

Người lao động trong Công ty được mua cổ phần ưu đãi và cam kết làm việc lâu dài theo điểm d khoản 2 điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Trường hợp cổ đông là người lao động trong Công ty chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết làm việc lâu dài thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm cổ phần hóa.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn

đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc theo gia hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau :

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự *cuộc họp* Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo

mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc

phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ

đồng đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, tối thiểu trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội hoặc tùy theo tình hình thực tế tại Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường

hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;
 - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có

mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác, có hiệu lực từ 01/08/2019.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; không được là người có liên quan của người điều hành doanh nghiệp, người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp công ty mẹ.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - d. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - e. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - f. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
- 7. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 - 8. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - 9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng;
 - j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích

của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 13 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có

lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không

trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành khác;
 - j. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty như sau:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng của Công ty;
 - c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - d. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
 - e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm

toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
 - h. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
 - n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - o. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - p. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Ban kiểm soát được quyền cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát

viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Công khai các lợi ích liên quan, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của

doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
 8. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo to Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này

cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm của Người điều hành công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.
2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 54. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 55. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định pháp luật.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí được thực hiện theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày 21 tháng 06 năm 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này thay thế Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua vào ngày 19 tháng 05 năm 2018 và Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 29 tháng 06 năm 2017 thông qua.
3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Số: 12 /TTr-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn tất xây dựng dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM theo bản dự thảo đính kèm.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và quyết định ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



CHỦ TỊCH

Phạm Hưng Út

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 06 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản trị công ty của Công ty cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Công ty: là Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
6. Đại biểu: là cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

7. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. **Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:** Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. **Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:**
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 4 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các thành viên khác do Chủ tọa chỉ định.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa đoàn.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp trước thời điểm kiểm phiếu biểu quyết, kiểm phiếu bầu cử và theo yêu cầu của chủ tọa.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết tối thiểu trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội hoặc tùy theo tình hình thực

tế tại Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
 2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
 - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.
 - Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:
- Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:
- + Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
 - + Các tài liệu kèm theo như sau:

- Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập*).
- Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh Hội đồng quản trị không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*);
- Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*).
- Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
- Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).

- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

- b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).
- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08)

ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

- e. Trường hợp Công ty ủy quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu/Thẻ biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 13, Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

3. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông
 - a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - c. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Quyết định các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Thẻ biểu quyết

- **Thẻ biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. *Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.*

➤ **Thẻ biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào Thẻ biểu quyết;
- Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, thẻ không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho thẻ biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên thẻ biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên tất cả các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết, bỏ thẻ biểu quyết trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Thẻ biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Phiếu biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Phiếu biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Thẻ biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Thẻ biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Thẻ biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên *(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)*

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- e. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- f. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên *(Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)*

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.
2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các nội dung quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định,
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo

gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

- b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Có đơn từ chức;
 - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phân vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác, có hiệu lực từ 01/08/2019.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- c. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập (nếu có) báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - Ban kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 - d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 - e. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
 - a. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội

đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d. Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

+ Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

+ Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 9 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên;
 - f. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:
- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định;
 - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Các vấn đề đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 1,2, 3 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề

cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp

phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47 Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c. Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
 - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;
 - e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian

công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 33 và Khoản 1, 2 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;
- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

- a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;
- b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác.

Hội đồng quản trị có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 57 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.

Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 35, Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập quy định để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập quy định để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách

quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

- e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát
- a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công

tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.
 - a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - f. Tổng Giám đốc - có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành

phổ Hồ Chí Minh nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 61. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 60 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

Điều 62. Kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Khoản 1, Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 65. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua ngày 21 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hưng Út

Số: 13 / TTr-DHĐCĐ

TPHCM, ngày 21 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 19/05/2016;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-Hội đồng quản trị ngày 28/07/2017 về việc Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng;

Căn cứ kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Phạm Hưng Út

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2018

**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM
NHIỆM KỲ 2016 – 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM nhiệm kỳ 2016-2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thực hiện như sau:

I. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 người

Hội đồng quản trị cần bổ sung thêm 01 Thành viên Hội đồng quản trị do có 01 thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm có đơn từ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị mới bổ sung:

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM là 05 (năm) năm từ năm 2016 - 2021. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu bổ sung theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm.

3. Điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

- Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

- Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;

- Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

II. QUYỀN ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử hoặc

được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Quy định khác liên quan đến quyền đề cử, ứng cử thành thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử phải bằng văn bản, bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

III. HỒ SƠ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử viên vào Hội đồng quản trị bao gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Các giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
- Bản sao CMND hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

2. Danh sách đề cử, ứng cử

Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ lựa chọn các ứng cử viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định để trình Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến biểu quyết thông qua của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

Danh sách ứng cử viên được lập theo thứ tự ABC.

IV. NGUYÊN TẮC BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Số lượng ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là 01 (một) thành viên, theo đó tổng số phiếu được quyền bầu của mỗi cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu.

b. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện quyền bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho

một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu bầu cho ứng cử viên mà mình lựa chọn nhưng không được vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông.

c. Trường hợp phiếu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Công ty;
- Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu vượt quá tổng số quyền bầu cử của cổ đông.

d. Nguyên tắc xác định thành viên Hội đồng quản trị:

- Người trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016-2021 được xác định là người nhận được số phiếu bầu cao nhất tính từ trên xuống trong danh sách bầu cử.

V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ TRÚNG CỬ

1. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.
2. Kết quả này sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.

VI. HIỆU LỰC

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TP.HCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*
[Signature]
Phạm Hưng Ứt



Số: 14.../TB-HĐQT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc đề cử ứng cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM Nhiệm kỳ 2016 - 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 23 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM;
- Căn cứ đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Trường Bảo Khánh gửi đến Công ty đến ngày 24/07/2017;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM trân trọng thông báo đến Quý cổ đông như sau:

I. Bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 người

Hội đồng quản trị cần bổ sung thêm 01 Thành viên Hội đồng quản trị do có 01 thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm có đơn từ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị mới bổ sung:

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM là 05 (năm) năm từ năm 2016 - 2021. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu bổ sung theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm.

3. Điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
- Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý

kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

II. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên hội đồng quản trị

1. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử hoặc được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

- + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

- + Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- + Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- + Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- + Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- + Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

- + Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Quy định khác liên quan đến quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử phải bằng văn bản, bản đề cử phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

III. Hồ sơ tham dự ứng cử, đề cử vào hội đồng quản trị

1. Hồ sơ tham dự ứng cử, đề cử

Hồ sơ tham dự ứng cử, đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị bao gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Các giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
- Bản sao CMND hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

2. Địa điểm và thời gian nhận hồ sơ đề cử, ứng cử

Quý cổ đông vui lòng gửi hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị về Ban tổ chức Đại hội trước 16giờ00 ngày 19/06/2018.

Ban tổ chức Đại hội

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38 526.883

Fax: (028) 38. 592.896

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (TQLCĐ)



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Hưng Ứt
Phạm Hưng Ứt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Tôi tên là:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

(*Bằng chữ: cổ phần*)

và đại diện sở hữu: cổ phần

(*Bằng chữ: cổ phần*)

của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh cho tôi được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại Đại hội cổ đông thành lập của Công ty được tổ chức vào ngày 21 tháng 06 năm 2018.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi sẽ đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng cảm ơn.

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi/Tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đại diện cổ phần (theo danh sách đính kèm) đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh cho chúng tôi / tôi được đề cử:

Ông (Bà):

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

(*Bằng chữ*:)

và đại diện sở hữu: cổ phần

(*Bằng chữ*:)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại kỳ Đại hội cổ đông thành lập của Công ty được tổ chức vào ngày 21 tháng 06 năm 2018.

Trân trọng cảm ơn.

Cổ đông

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

.....

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA ĐỀ CỬ - ỦNG CỬ VIÊN
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

| SỐ TT | Tên cổ đông | Số CMND/ĐKKD, ngày và nơi cấp | Địa chỉ | Tổng số cổ phần sở hữu | Ký xác nhận, đóng dấu nếu có |
|------------------|--------------------|--|----------------|---------------------------------------|---|
| 01 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 02 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 03 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 04 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 05 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 06 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 07 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| 08 | | Số: Ngày cấp: Nơi cấp: | | | |
| Tổng | | | | | |

SAPULICO
Số:
Ngày:
Chuyên:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.HCM
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.HCM

Tôi tên: **Nguyễn Trường Bảo Khánh**

CMND số: **024140353** cấp ngày **05/04/2013** tại TP.HCM

Hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.HCM.


Nay tôi làm đơn từ nhiệm này kính gửi Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.HCM chấp thuận cho tôi từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Lý do từ nhiệm: lý do cá nhân.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng TP.HCM xem xét và chấp thuận.

TP.Hồ Chí Minh, ngày **24** tháng **07** năm **2017**

Kính đơn


Nguyễn Trường Bảo Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên HĐQT

Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh)

1. Họ và tên:
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Ngày sinh:
4. Quốc tịch:
5. CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Địa chỉ thường trú:
7. Số điện thoại liên lạc:
8. Trình độ văn hoá:
9. Trình độ chuyên môn:

| Bằng cấp | Chuyên ngành | Năm tốt nghiệp | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo |
|-----------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

10. Quá trình công tác:

| Từ năm... đến năm | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------------|------------------------|----------------|
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

11. Số lượng cổ phiếu đại diện, nắm giữ: cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Kính gửi: Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Bên ủy quyền:

Tên Cổ đông:

Mã tham dự:

CMND/Giấy ĐKKD số:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Số cổ phần bằng chữ:

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Ông (Bà):

CMND số:

Địa chỉ:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018** của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu (đối với tổ chức)))

Ghi chú: (mẫu này sử dụng cho 1 cổ đông ủy quyền cho 1 người)

- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người khác (đủ năng lực hành vi dân sự), ngoại trừ cổ đông là tổ chức thì được ủy quyền theo quy định tại Điều 15 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Giấy ủy quyền này phải được gửi cho Ban tổ chức Đại hội hạn chót là 11 giờ ngày 19/6/2018 (Tổ quản lý cổ đông tại 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi Email: chs.dhcd@gmail.com hoặc khi đến đăng ký tham dự Đại hội.
- Người được ủy quyền phải mang theo thư mời họp của những người ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (Bà):

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thay mặt chúng tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với tổng số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

**CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú: (mẫu này sử dụng cho 1 nhóm ủy quyền cho 1 người)

- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người khác (đủ năng lực hành vi dân sự), ngoại trừ cổ đông là tổ chức thì được ủy quyền theo quy định tại Điều 15 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Giấy ủy quyền này phải được gửi cho Ban tổ chức Đại hội **hạn chót là 11 giờ ngày 19/6/2018** (Tổ quản lý cổ đông tại 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi Email: chs.dhcd@gmail.com hoặc khi đến đăng ký tham dự Đại hội.
- Người được ủy quyền phải mang theo thư mời họp của những người ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.